

VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY

Theo như đã trình bày trên đây thì vị trí quốc tế hiện tại của Việt Nam do các điểm dưới đây minh định:

1. Việt Nam là một nước nhỏ và kém mở mang.
2. Theo truyền thống văn hóa, Việt Nam thuộc vào xã hội Đông Á.
3. Việt Nam thuộc vào khối các nước Á Châu vừa thoát khỏi ách thực dân đế quốc.
4. Việt Nam đang cần phải Tây phương hóa như tất cả các nước không thuộc khối Tây phương đế: Một là tồn tại, bảo vệ độc lập; hai là để phát triển đời sống kinh tế hầu xây dựng hạnh phúc cho nhân dân.

Bốn điểm trên đây minh định vị trí của nước chúng ta trong thế giới ngày nay vừa trong lĩnh vực địa dư vừa trong lĩnh vực tiến hóa chung của nhân loại. Vì vậy cho nên, cùng với những điều kiện nội bộ riêng cho Việt Nam mà chúng ta sẽ thấy sau này, các điểm này chỉ phối *mọi đường lối chính trị* của chúng ta trong ít lắm là *vài thế kỷ*.



Do đó, việc phân tích từng điểm một, bốn điểm trên đây là một việc thiết yếu.

Việt Nam là một nước nhỏ và kém mở mang

Mục đích của những trang nhận định này không phải để xách động quần chúng, nên không phải chỗ để ca ngợi sự nghiệp mấy ngàn năm văn hiến của tổ tiên chúng ta, và cũng không phải chỗ để cho chúng ta hãnh diện với những trang sử oanh liệt của người xưa. Những người có trách nhiệm với tiền đồ dân tộc không thể tự ru ngủ trên dĩ vãng, mặc dầu dĩ vãng đó thật có là anh hùng đi nữa.

Trái lại, một nhận định khách quan rất cần thiết cho những người lãnh đạo, nếu họ muốn tránh những sơ xuất có hại cho tương lai của một dân tộc. Tự ti mặc cảm khi nhìn thấy nước nhà yếu và kém không phải là tâm trạng của những kẻ quật cường.

Trên quan điểm đó chúng ta phải nhìn nhận rằng trong thế giới ngày nay nước chúng ta là một nước nhỏ và dân tộc chúng ta là một dân tộc kém mở mang. Chẳng những thế, trong suốt mấy nghìn năm lịch sử, chưa lúc nào dân tộc chúng ta đã đạt lên được mức một văn minh chiếu sáng. Vì vậy chúng ta còn ở vào tình trạng thụ hưởng hơn là tình trạng góp phần vào văn minh nhân loại. Tuy nhiên, dĩ vãng của chúng ta cho phép chúng ta tin rằng dân tộc có một năng lực tiềm tàng khả dĩ trong một tương lai rất gần đưa chúng ta thoát khỏi tình

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

trạng thứ nhất để vào tình trạng thứ hai. Đó là mục đích và lý do của cuộc tranh đấu hiện tại của chúng ta. Bởi vì theo luật quân bình, người thụ hưởng bao giờ cũng đứng sau người đóng góp, và trong thực tế mức sống của người thụ hưởng phải kém mức sống của người đóng góp.

Và tranh đấu để thoát khỏi tình trạng kém mở mang có nghĩa là vừa tranh thủ một mức sống cao hơn cho dân tộc, và cũng có nghĩa là sẵn sàng lãnh trách nhiệm đóng góp vào văn minh thế giới.

Như vậy đối với chúng ta nỗ lực để thoát khỏi tình trạng kém mở mang có thể hình dung bằng một sự cố gắng để vượt qua lần mức ranh giới giữa tình trạng thụ hưởng và tình trạng đóng góp.

So sánh với các nước kỹ nghệ mở mang ngày nay, nước Việt Nam chúng ta *nhỏ* vì đất đai không rộng, dân số ít và thiên sản không phong phú.

So sánh với các khối kinh tế vĩ đại như Nga Sô, Trung Cộng, Ấn Độ, Mỹ quốc và khối Âu Châu đang thành hình, chúng ta lại còn không đáng kể vào đâu nữa.

Trên phương diện quân sự, những kỹ thuật nguyên tử tối tân với sức tàn phá mãnh liệt có thể làm giảm đi yếu tố đông dân và tức nhiên số lượng quân đội cao không còn ảnh hưởng nặng nề trên sự thắng bại. Tuy nhiên, lên đến một mức độ nào đó, ví dụ lên đến khối dân số Trung Cộng, yếu tố dân đông vẫn còn là một yếu tố đáng kể.

Vì vậy mà trong trường hợp của chúng ta, nếu chúng ta khắc phục được những kỹ thuật nguyên tử, thì cái họa xâm lăng đối với chúng ta chỉ có giảm chứ không có chấm dứt.

Trên phương diện kinh tế, yếu tố đông dân đối với kỹ thuật sản xuất đại qui mô của cơ khí là một yếu tố quyết định. Dân càng đông thì trường càng mạnh. Có một mức tiêu thụ tối thiểu trong mỗi ngành kỹ nghệ, dưới mức đó sự sản xuất kỹ nghệ không thể thực hiện với các điều kiện thuận lợi. Nhưng thị trường tiêu thụ càng lớn lại là một động cơ thúc đẩy kỹ nghệ càng nảy nở, càng trưởng thành, càng phát triển vì giá sản xuất càng nhẹ và mức lời càng lớn. Đó là lý do tranh giành thị trường trong thế kỷ vừa qua và hiện nay.

Như vậy nếu dân số ta ít thì điều kiện nảy nở của kỹ nghệ chúng ta rất kém và sự cạnh tranh với khối kinh tế bên ngoài là một điều mà chúng ta không thể đương đầu nổi.

Trên phương diện văn hóa, việc dân số ít là một trở lực to tát. Ngôn ngữ của chúng ta chỉ được một thiểu số sử dụng. Những sáng tác bằng Việt ngữ, ví dụ mà thật sự có giá trị thế giới đi nữa thì không có mấy người biết đến giá trị đó vì chuyên ngữ của chúng ta không được nhiều người biết. Chỉ nghĩ đến việc một tác phẩm bằng Anh ngữ hay Hoa ngữ có thể phổ biến ngay cho khắp thế giới thì đủ thấy cái mãnh lực của sự đông dân như thế nào. Trong một khối người to lớn như vậy có thể trao đổi tư tưởng với nhau chỉ vì chuyên ngữ của họ được nhiều người sử dụng. Dân tộc chúng ta chỉ vì dân số ít, phải ở ngoài vòng tư tưởng trên trừ ra một số người biết ngoại ngữ.

Dân số ít lại còn là một trở lực trong công cuộc phát triển như chúng ta sẽ thấy dưới đây.

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Trong khuôn khổ thế giới ngày nay, một dân tộc kém mở mang là một dân tộc có một tình trạng ứ đọng vào các điều kiện dưới đây:

1. Thiếu kỹ thuật và phương tiện kỹ thuật sản xuất.
2. Do đó lợi tức quốc gia thấp kém.
3. Do đó mức sống của toàn dân thấp và thiếu.
4. Sự mưu sống hằng ngày chiếm hết thời gian và năng lực, đời sống văn hóa không mở mang.
5. Sự sáng tác kém giá trị và sự góp phần vào văn minh của nhân loại không có.

Trình bày như trên đây, ta nhận thấy rằng điều kiện thứ nhất là nguyên nhân của điều kiện thứ hai và cả hai là nguyên nhân của điều kiện thứ ba và ba điều kiện đầu lại là nguyên nhân của điều kiện thứ tư, vân vân. Và như vậy nguyên nhân chính và trước tiên của sự kém mở mang là thiếu kỹ thuật và thiếu phương tiện kỹ thuật sản xuất. Nhưng muốn có đủ kỹ thuật, nghĩa là máy móc sản xuất thì phải có được một trình độ văn hóa khá cao cho toàn dân, và phải có lợi tức dồi dào để mua dụng cụ máy móc.

Như thế các điều kiện ảnh hưởng tương phối nhau làm thành một cái vòng lẩn quẩn. Đưa dân tộc lên đường phát triển có nghĩa là bẻ gãy cái vòng lẩn quẩn đó. Vì thế cho nên các phương pháp phát triển đề nghị hay mang ra thực hiện ngày nay trong các nước trên thế giới, kể cả phương pháp Cộng Sản, chung qui chỉ là một phương pháp bẻ gãy cái vòng lẩn quẩn nói trên. Và dưới đây chúng ta sẽ có dịp trở lại, một cách chi tiết hơn, vấn đề cốt yếu này. Nay chỉ nhận xét thêm là các điều kiện trên cho chúng ta thấy rằng, công cuộc phát triển không phải là một công trình mà một nhóm người hay một thiểu số có thể thực hiện được. Chỉ toàn dân hay là đại đa số cùng quyết tâm đứng lên mới có thể đạt đến kết quả. Đây là một yếu tố quyết định, nó sẽ chi phối nặng nề các sự lựa chọn đường lối sau này.

Điều thứ hai cần phải nêu lên là cái vốn duy nhất có thể dùng ngay được của các nước kém mở mang là công nhân. Vì vậy mà dân số đông lại là một lợi khí cho công cuộc phát triển, theo một phương pháp lao công cưỡng bách. Yếu tố này cũng là quyết định đối với sự lựa chọn đường lối sau này.

Việt Nam thuộc xã hội Đông Á

Xã hội Đông Á gồm có các nước Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam bao quanh đại lục Trung Hoa.

Trong hơn sáu ngàn năm lịch sử, các quốc gia trong xã hội này đều đã tiến hóa từ nền văn minh phát sinh trong đất Hán và lấy Hán tự làm nền tảng và phương tiện cho sự phát triển trong các lĩnh vực.

Cuộc xâm lăng của Tây phương gây ra nhiều sự thay đổi, bởi vì đứng trước hiểm họa chung phản ứng của mỗi dân tộc mỗi khác. Do đó mỗi dân tộc, tùy theo sự nắm được hay không những cơ hội đưa đến cho mình, đã đi theo những con đường càng ngày càng khác nhau, dẫn dắt đến sự cách biệt mà chúng ta nhận thấy ngày nay.

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Trước thời kỳ đó, tất cả các quốc gia trong xã hội Đông Á kể trên đều tin tưởng và bảo vệ những giá trị như nhau trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa và tôn giáo. Tất cả đều áp dụng chính trị quân chủ chuyên chế. Tất cả đều thừa nhận như là một di sản chung các sáng tác bằng Hán văn. Nền mỹ thuật của tất cả các quốc gia đều phát triển theo những tiêu chuẩn chung. Tất cả các quốc gia đều tin tưởng vào Phật giáo và Lão giáo, lấy giáo điều của Khổng Mạnh làm mục thước cấu tạo xã hội.

Nguyên nhân của tình trạng lúc bấy giờ, chia làm nguyên nhân địa dư và nguyên nhân lịch sử. Trong một thời kỳ mà phương tiện giao thông nghèo nàn, việc giáp ranh với nhau là một yếu tố đè nặng lên sự bang giao của hai nước. Dân tộc chúng ta đã rút nhiều kinh nghiệm xương máu về tình trạng ấy. Ngày nay nhiều phát minh khoa học có làm cho vạn lý và trùng dương cách biệt không còn là những trở lực không vượt nổi như khi xưa. Tuy nhiên ảnh hưởng sự lân cận giữa các quốc gia, nếu có giảm đi vẫn còn là một yếu tố quan trọng trong sự giao hảo giữa hai nước. Và trong sự chọn lựa đường lối của chúng ta sau này, sự chúng ta ở sát nách Trung Hoa là một yếu tố vô cùng thiết yếu.

Ngoài những nguyên nhân địa dư như trên, nhiều sự kiện lịch sử đã cấu tạo những dây liên hệ giữa Trung Hoa và các quốc gia cùng trong một xã hội Đông Á, như chúng ta đã thấy ở trên. Với thời gian, các dây liên hệ về tôn giáo, văn hóa và xã hội đã ăn sâu vào tiềm thức của các dân tộc cùng một xã hội. Vì thế cho nên không có một lần nào to tát cho bằng sự tin tưởng rằng trong một vài thế hệ hay một vài thế kỷ có thể thay đổi được tất cả tư tưởng của một dân tộc.

Nói một cách khác nếu mỗi người Việt Nam đều đồng một ý chí không muốn mình thuộc vào xã hội Đông Á nữa, thì chúng ta cũng không thực hiện ý chí đó được, vì bởi ý thức thuộc vào xã hội Đông Á đã ăn sâu vào các tế bào của chúng ta và thoát khỏi tầm chủ động của lý trí chúng ta. Đó là trường hợp tất cả chúng ta đều cùng một ý chí, hướng hồ là nếu chỉ có một nhóm người quyết tâm làm việc đó và nhất quyết cưỡng bách mọi người phải theo họ, lại càng là một trừ tính không căn bản và không tương lai.

Nhiều phức trình thí nghiệm khoa học đã xác nhận rằng các cuộc tẩy não có thể cùng lắm là thay đổi thành kiến chúng ta được chứ không di chuyển được bản chất của chúng ta.

Hơn thế nữa, nếu bằng một phép nhiệm màu gì chúng ta có thể cắt được nước Việt Nam tách ra khỏi Châu Á và mang đặt nó cùng với cả dân tộc chúng ta vào một nơi khác của địa cầu thì chúng ta cũng sẽ suy nghĩ và phản ứng như những người trong xã hội Đông Á.

Trên đây chúng ta đã có đề cập đến việc Tây phương hóa, là một điều khẩn yếu cho chúng ta. Nay chúng ta vừa thấy rằng dầu có muốn đi nữa chúng ta cũng không thể thoát ra khỏi khung cảnh hình thức và vô hình của xã hội Đông Á.

Như vậy việc Tây phương hóa và việc thuộc vào xã hội Đông Á có mâu thuẫn nhau không?

Muốn trả lời được câu hỏi này một cách tường tận, ta cần biết trước tiên Tây phương hóa là như thế nào, nội dung của một phần dưới đây.

Nay ta cứ nhận rằng việc Tây phương hóa là việc thâm nhận các kỹ thuật, lối suy luận và nhiều tập quán của Âu Mỹ, không làm cho chúng ta mất được bản chất của dân tộc. Như

PHẦN II. Chính Đề Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

vậy việc mâu thuẫn nêu trên sẽ là không có. Một nhận xét khác càng thuyết minh cho lời nói quả quyết này. Các dân tộc ở xã hội Tây phương đều sử dụng một kỹ thuật và tôn sùng một khoa học như nhau. Tất cả đều có một lối suy luận lấy sự chính xác của lý trí làm nền tảng. Và tất cả đều sống trong một khuôn khổ ngăn nắp và minh chiết như nhau – sự sinh sống và ăn mặc đều như nhau – thế mà họ vẫn khác nhau ở trong các sáng tác. Như vậy là bản chất dân tộc họ vẫn giữ. Bản chất dân tộc của chúng ta sẽ bộc lộ ra trong các sáng tạo của chúng ta, khi nào mà chúng ta đã chủ động được các phương tiện và phương pháp sáng tạo của Tây phương. Và đây là mục đích chính của công cuộc Tây phương hóa mà chúng ta đang theo đuổi.

Biết như thế rồi chúng ta mới thấy rằng trong công cuộc Tây phương hóa chúng ta cần phải dốc hết nỗ lực vào công cuộc ấy, không e dè, không rụt rè, không ngần ngại. Biết như thế rồi chúng ta mới thấy tính cách vô ích của sự nơm nớp lo sợ mất quốc hồn và quốc túy của một lớp người trước đây ngồi mà cãi nhau năm này qua tháng nọ xem phải duy tân đến mức nào. Họ thật là những người ngồi nhà mà bàn việc lên tàu xuống xe phải đứng ngồi làm sao.

Biết như thế rồi chúng ta lại thấy tính cách không thực tế của một nhóm người chủ trương thay đổi tư tưởng của một dân tộc bằng những phương pháp độc ác và tàn bạo áp dụng cho vài thế hệ. Sự họ thất bại sẽ dĩ nhiên. Nhưng tai hại họ sẽ lưu lại cho dân tộc, như chúng ta sẽ thấy sau này, không biết bao giờ mới gỡ hết.

Việt Nam thuộc vào khối các nước Á Châu vừa thoát khỏi ách thống trị thực dân đế quốc

Bắt đầu từ thế kỷ thứ X, các cường quốc trong xã hội Tây phương mới phôi thai. Dưới sự thúc đẩy của hoàn cảnh và những biến cố lịch sử phát sinh ra do sự lân cận với xã hội Hồi Giáo, đang thời cường thịnh, các quốc gia mới đã nỗ lực tìm mọi lối thoát khỏi vòng vây càng ngày càng siết chặt của các đội binh hùng mạnh của các nhà lãnh đạo Ả Rập.

Từ ngày thoát thai từ trong sự sụp đổ của văn minh Hy Lạp và La Mã, lần đầu tiên xã hội Tây phương đứng phải một thử thách vô cùng quan trọng và quyết định sự mất còn cho nền văn minh vừa chớm nở. Nhưng cùng trong dịp này xã hội Tây phương tỏ ra xứng đáng với di sản lý trí thừa hưởng của văn minh Hy Lạp - La Mã và sinh lực dồi dào mà giáo lý Gia Tô hun đúc trong nhiều thế kỷ.

Sức mạnh phi thường của tín ngưỡng đã nuôi dưỡng và duy trì những nỗ lực cần thiết một cách liên tục trong nhiều thế kỷ. Mặt khác sự chính xác về lý trí đã hướng dẫn hữu hiệu cái khối sinh lực to tát trên vào vòng hữu ích và hiệu quả. Nhờ vậy mà xã hội Tây phương chẳng những đã chiến thắng lần ấy, mà sau này còn vượt nhiều trở lực để chiếm được ưu thế như chúng ta mục kích ngày nay.

Nhờ những yếu tố trên, người Tây phương đã phát minh nhiều kỹ thuật tối tân, cải thiện không ngừng phát minh cũ, rèn luyện những khí giới lý trí ngày càng tinh vi để bảo đảm cho những phát minh tương lai. Sinh lực dồi dào của tín ngưỡng đã giúp cho họ áp dụng các phát minh trên đến một mức độ ngày càng lên cao, trong một tầm rộng lớn càng ngày càng bành trướng. Và trong sự vùng lên đó, xã hội Tây phương đã chẳng những bẻ gãy vòng vây

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

của xã hội Hồi Giáo đang dồn họ vào phía Tây của đại lục Âu Châu, lại còn chinh phục được thế giới như chúng ta đều biết.

Nguồn gốc của các đế quốc Tây phương là do sự kiện trên đề ra. Để thoát khỏi sự bao vây của xã hội Hồi Giáo, người Tây phương đã chế ngự được các kỹ thuật vượt biển và mang những khí giới mà một nền kỹ thuật tân tiến đã trang bị cho họ để đi chinh phục các dân tộc kém hơn về kỹ thuật

Trước tiên, Y Pha Nho và Bồ Đào Nha hướng đạo cuộc chinh phục. Sau đó Anh, Pháp, Hòa Lan, Bỉ đã nổi chân và thay thế hai cường quốc tiền phong khi hai nước này đã mệt mỏi và suy nhược. Lần lượt các quốc gia trên thế giới không phải thuộc vào xã hội Tây phương đều bị tấn công, chiến bại, chiếm đóng và chinh phục. Tùy hoàn cảnh và tùy mãnh độ cuộc kháng chiến, các dân tộc bị chinh phục hoặc bị tiêu diệt và đất đai bị biến thành đất đai của người chinh phục như ở Nam và Bắc Mỹ, Úc châu, Tân Tây Lan, Nam Phi, hoặc biến làm thuộc quốc như Thái Lan, các nước Cận Đông hay bán thuộc địa như Trung Hoa, hay thuộc địa như Việt Nam. Và hậu quả lưu lại cho các dân tộc bị chinh phục cũng tùy theo hoàn cảnh riêng mà nhiều hay ít tai hại.

Ngày nay vấn đề không thành cho những dân tộc đã bị tiêu diệt. Các nước đã bị làm bán thuộc địa hoặc thuộc địa, khi cởi được ách rồi còn phải lãnh chịu những hậu quả tuy có khác nhau tùy theo hoàn cảnh địa phương nhưng đều giống nhau vì bị chi phối bởi những sự kiện lịch sử chung. Các hậu quả lại khác nhau, tùy theo chế độ đế quốc đã phải chịu đựng.

Hai kiểu đế quốc

Trong thời kỳ cường thịnh nhất của Đế quốc chủ nghĩa, các quốc gia không thuộc vào xã hội Tây phương đều bị thống trị trực tiếp hay gián tiếp bởi hai loại Đế quốc:

1. Đế quốc kiểu người Anh.
2. Đế quốc kiểu người Pháp, Hòa Lan và Bỉ.

Chủ trương Đế quốc của người Anh rất rõ rệt. Họ chia các lãnh thổ làm hai loại: loại chiếm đóng di dân và loại chiếm đóng khai thác. Đối với loại chiếm đóng di dân thì họ dồn thiểu số người bản xứ vào một nơi và dần dần sự tranh sống tự nhiên sẽ đào thải. Kẻ chinh phục chiếm lấy đất đai và lập thành những quốc gia mới, như ở Bắc Mỹ và Úc châu.

Nam Mỹ tuy không thuộc người Anh nhưng lại thuộc vào một chủ trương tương tự.

Đối với loại chiếm đóng khai thác thì chính sách của Anh lại hoàn toàn trái ngược. Họ rút kinh nghiệm sự chiến bại của họ ở Bắc Mỹ – lúc người Mỹ hiện nay đánh đuổi người Anh và dành độc lập –, và cho rằng nếu họ không loại được người bản xứ thì sớm muộn gì họ cũng phải có ngày trả lại độc lập cho dân bản xứ. Quan niệm trên dẫn dắt đến một chính sách dài hạn. Vì đoán trước có ngày họ phải ra đi nên, để lưu lại được cảm tình với dân bản xứ, họ đã thật tình đào tạo một lớp người có đủ khả năng để sau này thay thế họ. Đây là một đặc điểm căn bản của chủ nghĩa Đế quốc Anh đã được chứng minh là rất khôn ngoan và hiệu quả.

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. *VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY*

Đế quốc kiểu người Pháp, Hòa Lan và Bỉ ngược lại không rõ rệt giữa hai thái độ trên. Nếu nhiều điều kiện hợp lại không cho phép họ chủ trương chiếm đóng di dân, thì đồng thời họ cũng không nghĩ đến ngày phải trả độc lập lại cho dân bản xứ. Các sự kiện xảy ra sau thế giới Đại Chiến thứ Hai trong các thuộc địa Anh và trong các thuộc địa Pháp, Hòa Lan và Bỉ, đều bắt nguồn từ sự khác nhau của hai chính sách nói trên. Bởi vì không nghĩ đến ngày phải rời khỏi thuộc địa nên người Pháp, Bỉ và Hòa Lan không có đào tạo lớp người thay thế họ. Vì vậy cho nên, khác với các cựu thuộc địa Anh, các cựu thuộc địa Pháp, Hòa Lan và Bỉ, sau độc lập rồi, đều trải qua nhiều xáo trộn mãnh liệt, chỉ vì thiếu người có khả năng để thay thế các người ngoại quốc, mà điều khiển guồng máy quốc gia. Trên đây là một nhược điểm vô cùng quan trọng mà Việt Nam chúng ta phải mang chịu.

Hậu quả

Nếu sự chúng ta thiếu người lãnh đạo ở trong lĩnh vực chính trị là do một nguyên nhân không thể tránh được, phát sinh từ sự mâu thuẫn tự nhiên phải có giữa những người muốn chinh phục một dân tộc và những người chống lại sự chinh phục đó, thì, trái lại, sự thiếu người lãnh đạo ở mọi ngành chuyên môn và mọi cấp bậc trong guồng máy quốc gia lại là hậu quả của một chính sách Đế quốc riêng biệt của người Pháp, Hòa Lan và Bỉ.

Thi hành đúng theo chủ nghĩa Đế quốc của họ chủ trương người Pháp không bao giờ muốn, và cũng không bao giờ thực hiện, việc đào tạo những người bản xứ có đủ khả năng để làm những công việc mà người Pháp đang làm và để, trong tương lai, thay thế họ. Thoảng như có những người bản xứ, nhờ những nỗ lực riêng, mà thấu thập được một sự đào tạo lý thuyết ngang hàng với các nhân viên cao cấp của họ, thì không bao giờ người Pháp lại giúp cho những người này những hoàn cảnh thuận lợi để họ có thể thấu thập những kinh nghiệm lãnh đạo cần thiết. Và bởi vì những kinh nghiệm lãnh đạo thực tế như vậy mới đào tạo được những người lãnh đạo xứng danh, nên ngày nay khi chúng ta đã dành được độc lập rồi thì chúng ta không đủ người để điều khiển guồng máy các quốc gia. Trong khi đó chúng ta chẳng những cần người để cho guồng máy chạy đều, mà hơn nữa, vì những hoàn cảnh như chúng ta sẽ thấy dưới đây, chúng ta rất cần người để cho máy chạy hết tốc độ.

Thiếu số người trước kia đã được người Pháp dùng làm cộng sự viên trong nhiều năm, ngày nay với các kinh nghiệm đã thấu nhập được, không thể thay thế người Pháp trong nhiệm vụ của những người này hay sao?

Không thể được, vì, trừ ra một số hết sức ít, với khả năng vượt hẳn mức thường, đã bề gãy được vòng kìm hãm của người Pháp để tự học hỏi thêm đến trình độ chế ngự được ngành hoạt động của mình, còn lại là những người mang nặng các khuyết điểm dưới đây:

1. Những kiến thức và kinh nghiệm của họ đều rời rạc và vặt vạnh. Họ không có óc tổng hợp để đặt những kinh nghiệm và kiến thức vụn vặt kia vào một hệ thống chung hầu nhận thấy sự liên hệ giữa các kinh nghiệm, và tìm thấy các nguyên tắc chung chi phối các trường hợp đặc biệt mà họ thường gặp phải. Vì vậy mà hành động của họ chỉ có hiệu quả trong các trách nhiệm sơ đẳng. Vượt lên quá tầm một ít là sự thất bại đến ngay vì như câu tục ngữ thường nói, họ không nhìn thấy rừng mà chỉ nhìn thấy tìm gốc cây “Phụ trách từng gốc cây thì được, nhưng không phụ trách toàn thể khu rừng được”. Do đó những người này không

PHẦN II. Chính Đề Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

làm sao vượt khỏi phạm vi nhỏ hẹp trong đó lâu nay họ vẫn quen làm việc để lên đến tầm quan trọng cần có khi sự việc không còn liên quan đến một lĩnh vực nhỏ nữa mà đã liên quan đến vận mạng của một quốc gia. Nếu giao cho họ những trách nhiệm quốc gia đương nhiên họ sẽ làm giảm giá trách nhiệm đó bằng cách đưa nó tuột xuống ngang hàng một trách nhiệm khu vực nhỏ hẹp, tương xứng với quan niệm nhỏ hẹp đã ăn sâu vào căn não của họ. Với một lối nhìn như vậy và với sự bất lực quan niệm các vấn đề một cách rộng lớn tương xứng với nhu cầu của hoàn cảnh, sự thất bại của họ cũng đã cầm chắc. Đảng này ngoài khuyết điểm ấy họ còn mang nặng nhiều điều hư hỏng khác.

2. Người Pháp đã chủ tâm đào luyện, cho những người họ dùng, những kiến thức và khả năng tương xứng với công dụng mà họ đòi hỏi. Ngoài ra hoạt động và sinh sống nhiều năm trong không khí và tập quán mà người Pháp cố tình tạo ra cho những người đã được họ đặt vào một công dụng nhất định, những người này lần lần đã tự tạo một tâm lý vô trách nhiệm. Làm việc chỉ vì sợ hình phạt chứ không phải vì tự thấy trách nhiệm phải làm cho được việc. Tâm lý kém trưởng thành của người làm tay sai đó chính là người Pháp, lợi dụng tình thế hỗn loạn trong xã hội của chúng ta do chính sự chinh phục của họ gây nên, đã tạo ra cho lớp người được họ rèn luyện để làm công cụ và sau này, vì hoàn cảnh đương nhiên trở thành lớp người tay mắt trong xã hội chúng ta.

Xưa kia, khuôn khổ Khổng Mạnh của chúng ta, tuy đã thất bại trong nhiều lĩnh vực, nhưng ít ra đã đào luyện được lớp người thấm nhuần đạo người quân tử: có tâm lý của người trưởng thành và tinh thần trách nhiệm của người thọ lãnh sứ mạng. Tất cả các truyền thống tốt đẹp đó đã sụp đổ cùng một lúc với uy quyền chính trị của xã hội Việt Nam.

Thiết tưởng, nếu người Pháp đã có một thái độ “không chen vào”, thì nội sự chiến bại của xã hội Việt Nam trước một kẻ xâm lăng có một nền văn minh hùng mạnh hơn cũng đủ mang đến sự sụp đổ của những giá trị cổ truyền. Đảng này, chính họ với chủ nghĩa Đế quốc mà họ chủ trương, đã thúc đẩy sự sụp đổ nói trên để phục vụ quyền lợi chính trị của họ.

Và tâm lý hiện tại của số người mà chúng ta sẽ đề cập đến trên đây vừa là hậu quả đương nhiên của một hoàn cảnh lịch sử vừa là kết quả của một chính sách vô cùng tai hại cho dân tộc.

Trách nhiệm giao phó cho số người này phải tương xứng với “Tâm lý người đi thuyền” của họ. Xưa nay đã quen lối không bao giờ chịu chú trọng đến hướng đi và số phận của con thuyền, thì không thể nào phụ trách được việc lèo, lái và buồm, máy của con thuyền. Trách nhiệm này phải giao cho số người đã tự tạo tâm lý thuyền trưởng, trong khi chờ đợi chúng ta đào tạo lớp người mới có những đức tính mà nhiệm vụ đòi hỏi.

3. Xưa kia, dưới thời quân chủ chuyên chế guồng máy quốc gia xây dựng trên chế độ quan trường và chế độ này lại lấy cái học khoa cử làm nền tảng. Xét trong lịch sử của Việt Nam, cũng như của Trung Hoa, guồng máy quan trường đã qua nhiều thời kỳ thịnh vượng và để lại nhiều thành tích xứng đáng.

Sở dĩ như thế được là vì, chế độ quan trường, tuy tự nó hàm nhiều tệ đoan cố hữu, nhưng một khi nằm vào trong khuôn khổ quân chủ chuyên chế đã bị sự chế ngự tự nhiên và tương phối của những bộ phận khác trong cơ cấu quốc gia, nên các tệ đoan đương nhiên bị hạn chế

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

và không bánh trưng được, cũng như mỗi bánh xe trong một bộ máy đồng hồ đều được sự chế ngự tương phối của các bánh xe chung quanh, nên tất cả đều chuyển động đồng thời và điều hòa. Nhưng tất cả tình trạng mực thước đó đều mất nếu chúng ta tách rời một bánh xe ra ngoài.

Trường hợp của chế độ quan trường của chúng ta cũng tương tự như vậy. Khi còn là một bộ phận của chế độ quân chủ chuyên chế, những cái tệ đoan của quan trường không phát triển được nhờ quyền hành rất rộng và hình phạt cấp thời của nhà vua. Khi người Pháp đến, chế độ quan trường được giữ lại, vì một sự tính toán khôn khéo, nhưng không còn có những sự chế ngự tự nhiên như xưa nữa. Các nhược điểm của quan trường đương nhiên nảy nở và sự tham nhũng và hà hiếp dân chúng đã lên đến mức độ tột cùng. Người Pháp không có lý do gì mà tẩy trừ tình trạng đó, vì chủ trương của họ là để cho những người họ dùng không được lòng dân chúng. Và làm lợi cho dân chúng không phải là mối lo âu của chế độ thực dân.

Vì vậy cho nên, tinh cách quan liêu, phục tùng hèn hạ kẻ trên, và hà hiếp khinh miệt kẻ dưới là nhược điểm không thể cởi bỏ được của lớp người tay mắt trong thời kỳ thực dân. Trong khi đó, như chúng ta sẽ thấy sau này, công cuộc phát triển dân tộc của chúng ta trong giai đoạn này, đòi hỏi ở những người có trách nhiệm phải có đủ khả năng đến với dân, đi với dân huy động được đại quần chúng, lâu nay bị mê man trong giấc ngủ yên thân, để đưa họ dần thân mạnh bạo và nhanh chóng vào con đường tiến bộ.

Sau này chúng ta sẽ thấy rõ công cuộc phát triển dân tộc có nghĩa là thực hiện những mục tiêu gì. Nay cần biết rằng, phát triển dân tộc là một công cuộc hết sức kích động cho người tham dự nhưng đòi hỏi thật nhiều cố gắng liên tục và những hy sinh lớn lao. Vì vậy mà đại quần chúng sẽ chóng mệt mỏi và chán ngán. Nếu những người có trách nhiệm không thương mến nhân dân và không xem nhân dân là trọng, thì không làm sao mà nhân dân bằng lòng chịu đựng mệt mỏi và hy sinh để cùng tiến bước với người dẫn đạo.

Những biện pháp độc tài và cưỡng bách nếu có áp dụng được thì những hiệu quả nhất thời không thể bồi đắp được những hậu quả tai hại lâu dài vừa cho người áp dụng được vừa cho người phải chịu đựng.

Sau này chúng ta sẽ phân biệt sự mị dân với sự hướng dẫn dân vào một kỷ luật chung, điều kiện thiết yếu để nắm thắng lợi trong công cuộc phát triển. Vì vậy mà nếu người có trách nhiệm không huy động được dân chúng, thì sự thất bại nắm chắc trong tay. Và cố nhiên những người huy động được dân chúng không phải là những người hà hiếp và khinh miệt họ cũng không phải là những người nịnh bợ và sợ sệt họ.

Tóm lại cho đoạn này chúng ta thấy rằng, chính sách Đê quốc kiều Pháp, Hòa Lan và Bỉ đã lưu lại cho các dân tộc bị trị một hậu quả rất là tai hại: Sau khi độc lập rồi, sự thiếu người lãnh đạo trong các ngành là một trở lực vô cùng to tát cho công cuộc phát triển dân tộc.

Nhưng đó không phải là hậu quả duy nhất. Xem lại lịch sử của các công cuộc chinh phục của Tây phương, chúng ta nhận thấy rằng khi bị tấn công, các dân tộc đều ý thức ngay tình thế nghiêm trọng và sự cần thiết phải vận dụng lực lượng quốc gia để đương đầu với một thử thách quyết định sự sống còn của tập thể. Bản năng sinh tồn đã đánh thức ngay khả năng tự vệ đối với một vật ngoại lai toan xâm nhập vào nội bộ cơ thể.

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Nhiều loại phản ứng

Nhưng nếu ý thức nguy cơ và sự phản ứng tự vệ đều có như nhau, thì trái lại, tính chất của sự phản ứng, cường độ của sự phản ứng, và hậu quả của sự phản ứng khác nhau, tùy theo hoàn cảnh lịch sử, tùy theo khả năng của người lãnh đạo trong các lúc quyết liệt ấy, tùy theo tinh thần của dân chúng lúc bị tấn công, tùy theo phương tiện vận dụng được và tùy theo trình độ dân trí của dân tộc lúc bị tấn công.

Cổ nhiên là sự nghiệp và hành động của một dân tộc, mặc dầu do một số người quyết định trong một thời gian nhất định, nhưng cũng do nhiều hoàn cảnh và yếu tố chi phối.

Nhưng xét theo kết quả của sự phản ứng của từng dân tộc, chúng ta có thể chia các nước đã phải đón chịu sự tấn công ghê gớm của Tây phương ra làm bốn loại.

Trước hết có những dân tộc như dân tộc Nhật Bản, phản ứng có hiệu quả, chặn đứng được sự tấn công, bảo vệ được nền độc lập, và nắm được cơ hội đề tự cường lên đến mức ngang hàng với các cường quốc Âu Mỹ.

Kế đó những dân tộc như dân tộc Trung Hoa, phản ứng không có hiệu quả, chiến bại trước sự tấn công, nhưng vì hoàn cảnh chính trị lúc bấy giờ trong trường hợp của Trung Hoa và Thái Lan thì đúng là sự mâu thuẫn giữa các cường quốc chinh phục nền độc lập tuy bị sút mẻ, nhưng chủ quyền vẫn được bảo tồn.

Tuy nhiên, nước nhà cũng bị đặt vào tình trạng bán thuộc địa, do đó không tự cường nổi mà phải kéo dài tình trạng thấp kém để chờ cơ hội mới.

Sau đó có những dân tộc như dân tộc Việt Nam và Nam Dương phản ứng không hiệu quả, chiến bại trước sự tấn công, độc lập bị mất, chủ quyền bị sụp đổ, nước nhà bị biến thành thuộc địa, thống trị bởi ngoại quốc. Việc lỡ cơ hội đối với chúng ta chẳng những có nghĩa là kéo dài tình trạng thấp kém lại còn mang ách nô lệ vào thân. Muốn nắm bắt cơ hội mới, trước tiên chúng ta cần phải tranh giành độc lập.

Sau hết có những dân tộc như các bộ lạc Bắc Mỹ, Trung Mỹ và Nam Mỹ, phản ứng không hiệu quả, chiến bại trước sự tấn công, độc lập bị mất, chủ quyền bị sụp đổ, nước nhà bị thôn tính và dân tộc bị đồng hóa.

Đối với các dân tộc sau này, vấn đề không còn nữa và trong lịch sử họ chỉ còn để lại cái vết mỏng manh của một sự đi qua, đôi khi đánh dấu bằng những phé tích của vài đền đài. Nếu ngày nay, chúng ta lấy làm may mắn mà thấy rằng số phận ác nghiệt trên không phải là số phận của chúng ta, thì chúng ta không nên quên rằng, nhân loại ngày nay còn xa lắm mới tiến được đến mức để cho, đương nhiên, số phận ác nghiệt trên không phải là số phận của những dân tộc nhỏ bé như dân tộc của chúng ta. Trong trình độ tiến hóa của nhân loại ngày nay, sự một dân tộc nhỏ như chúng ta tránh được hay không số phận khốn khổ ấy tùy thuộc ở sự nỗ lực tranh đấu của chúng ta. Và chính điểm này sẽ đề nặng lên sự lựa chọn đường lối của chúng ta sau này.

Phản ứng của Nhật Bản

Nước Nhật đã phản ứng như thế nào để đạt những kết quả mà chúng ta mục kích ngày nay?

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Trước hết dân tộc Nhật có được cái vận may là trong thời kỳ mà vận mạng của quốc gia Nhật, như của các quốc gia khác trong xã hội Đông Á, như chỉ mảnh treo chuông việc mất còn chỉ trong ly tức, được có một lớp người lãnh đạo cực kỳ sáng suốt. Họ nhận thấy ngay con đường sáng của dân tộc. Những người này, trong một giai đoạn quyết liệt đã cởi bỏ được cho quốc gia tính tự phụ cổ truyền, và có đủ can đảm nhìn các biến cố với con mắt thiết thực. Nhờ vậy nên, trái với các quốc gia đồng thuyền khác, khư khư quán cả mình và đầu một cách mù quáng trong lớp áo kiêu căng, quốc gia Nhật ý thức được ba điều tối quan trọng:

1. Lực lượng xâm lăng hơn hẳn lực lượng kháng chiến quốc gia về kỹ thuật tổ chức và kỹ thuật võ trang.
2. Muốn chống lại nổi lực lượng xâm lăng và lâm thời thắng họ, chỉ có cách duy nhất là chế ngự được kỹ thuật tinh xảo của địch thủ.
3. Mâu thuẫn nội bộ giữa các cường quốc trong mặt trận xâm lăng của Tây phương là cơ hội duy nhất để bảo vệ nền độc lập và phát triển dân tộc.

Óc sáng suốt và phi thường của những nhà lãnh đạo Nhật Bản lúc ấy đã cấp thời tìm ra, ngay khi dân tộc gặp phải nguy cơ trên lần đầu tiên, những biện pháp ứng phó duy nhất có hiệu quả mà như chúng ta đã thấy ở trên, các nhà lãnh đạo Nga đã tìm ra và áp dụng sau nhiều thế kỷ chiến đấu với các cường quốc Tây Âu.

Học kỹ thuật của địch thủ để thắng địch thủ, chế ngự kỹ thuật của địch thủ để thắng địch thủ.

Các sự kiện trên đây là nguồn gốc của cuộc cách mạng duy tân của Nhật thời Minh Trị. Những kỹ thuật của Tây phương trong mọi lĩnh vực được phân tích học hỏi và áp dụng triệt để. Nhu cầu cấp thời đã đặt ưu tiên cho lĩnh vực quân sự và chính trị. Lê lối lãnh đạo cổ truyền theo chế độ quân chủ chuyên chế của xã hội Đông Á đã nhường chỗ cho lý thuyết chính trị của Tây phương. Quân đội tập hợp và võ trang theo thời xưa đã biến thành một quân lực hùng hậu tổ chức võ trang theo Tây phương.

Sau đó các phương pháp sản xuất kinh tế được duy tân. Chuyên viên Tây phương tập nập, vì quyền lợi cá nhân quyền rũ và nhất là vì mâu thuẫn chính trị giữa các cường quốc chinh phục.

Nhờ sáng suốt các nhà lãnh đạo Nhật Bản đã nắm ngay được cơ hội. Một trăm năm sau một cơ hội tương tự mới trở lại lần thứ nhì cho các dân tộc bị chinh phục như dân tộc Việt Nam. Và nhờ nắm được cơ hội ngay lần đó nên họ đã thành công trong công việc đưa dân tộc Nhật lên hàng tiến bộ như chúng ta thấy ngày nay.

Và cố nhiên là những dân tộc nào lỡ cơ hội thứ nhất, như trên đã trình bày, đều còn nằm vào tình trạng như chúng ta ngày nay. Và cơ hội thứ nhì sau Thế Giới Đại Chiến lần thứ hai, một trăm năm sau như chúng ta sẽ thấy dưới đây. Và vấn đề hiện tại cho chúng ta là liệu lần này có nắm lấy được cơ hội không?

Nước Nhật đã thành công trong công cuộc Tây phương hóa để chống lại người Tây phương. Độc lập vẫn còn, chủ quyền vẫn nguyên, người Nhật cũng như người Nga đã hoàn toàn chủ

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

động công cuộc Tây phương hóa của họ. Vì vậy cho nên, không lúc nào có sự gián đoạn trong việc diễn tiến của lịch sử của họ. Điều này tối quan trọng như chúng ta sẽ thấy dưới đây.

Nói một cách đại khái, một nền văn minh là một toàn bộ gồm những giá trị làm tiêu chuẩn trong các lĩnh vực của đời sống: kỹ thuật, chính trị, văn hóa, xã hội và nghệ thuật.

Trong cái toàn bộ đó, các giá trị quân bình lẫn nhau gây nên một trạng thái điều hòa. Nếu trạng thái điều hòa động tiến thì nền văn minh đang hồi phát triển. Nếu trạng thái điều hòa tĩnh chỉ, nền văn minh đến lúc suy đồi. Mất một yếu tố quân bình, hay bị một phần tử ngoại lai xâm nhập, trạng thái điều hòa sẽ mất và nền văn minh liên hệ sẽ bị đặt vào một tình trạng báo động nguy hiểm. Nếu những phần tử của xã hội liên hệ không ý thức và phản ứng kịp thời, và mất chủ động con thuyền chung thì nền văn minh sẽ sụp đổ và tan rã, các giá trị tiêu chuẩn đều bị phá sản. Trái lại nếu những phần tử của xã hội liên hệ ý thức kịp thời nguy cơ đưa đến và phản ứng hiệu quả, vẫn nắm được chủ động con thuyền, thì sẽ chế ngự được các cuộc xáo động và đưa nền văn minh đến một trạng thái điều hòa mới.

Tất cả các dân tộc như dân tộc Nhật, khi bị sự tấn công của Tây phương, phản ứng hiệu quả bằng cách chế ngự kỹ thuật Tây phương để làm khí giới chống lại Tây phương, đã thành công trong công cuộc bảo vệ độc lập và phát triển dân tộc. Nhưng kỹ thuật Tây phương là một vật ngoại lai được nhập cảng vào trạng thái điều hòa của nền văn minh Nhật. Và vì vậy cho nên sự thâm nhập kỹ thuật Tây phương làm mất trạng thái điều hòa nói trên và gây cho xã hội Nhật nhiều chấn động đe dọa các giá trị tiêu chuẩn cổ truyền. Nhưng giữa hai thái độ: một là bảo vệ sự tồn tại của dân tộc với cái giá phải trả là chịu đựng những chấn động do một vật ngoại lai gây nên, hai là bảo vệ sự thuần túy của trạng thái điều hòa của nền văn minh cũ, việc lựa chọn không thành vấn đề. Bởi vì những người muốn bảo vệ sự thuần túy của trạng thái điều hòa cũ chắc chắn là sẽ không có phương tiện để làm việc đó, và như vậy chỉ dẫn dắt dân tộc đến chỗ nô lệ và cùng khốn như dân tộc Việt Nam.

Trí sáng suốt của các nhà lãnh đạo Nhật Bản đã dạy họ phải chọn thái độ thứ nhất. Tuy nhiên mặc dù họ thành công trên một phương diện, phương diện phát triển, nhưng họ phải đương đầu với các chấn động do một vật ngoại lai là kỹ thuật Tây phương đã mang đến cho xã hội Nhật. Chúng ta càng quan niệm rõ rệt hơn sự phá hoại của các chấn động trên nếu chúng ta ý thức rằng kỹ thuật Tây phương không thể tách rời ra khỏi toàn bộ nền văn minh Tây phương. Kỹ thuật Tây phương là một bộ phận của toàn bộ trên. Nếu thâm nhập kỹ thuật Tây phương rồi, thì sớm muộn gì cũng phải thâm nhập lối suy luận của Tây phương để chế ngự và phát triển kỹ thuật kia. Thâm nhập lối suy luận của Tây phương thì lại lần hồi thâm nhập lối sống của Tây phương, vân vân. Nghĩa là, tưởng rằng thâm nhập xong kỹ thuật Tây phương để chống Tây Phương là rồi việc là một lỗi lầm lớn. Bởi vì kỹ thuật Tây Phương mở cửa, nhưng sau kỹ thuật lần hồi các phần tử của toàn bộ văn minh Tây phương sẽ lần lần do cửa đã mở xâm nhập. Và sự thật thì chính là tất cả văn minh Tây phương chớ không riêng gì kỹ thuật Tây phương đã gây cuộc chấn động trong trạng thái điều hòa của các xã hội đã mở cửa đón kỹ thuật Tây phương để tìm đường sống.

Như vậy dù chúng ta có mở cửa hay không mở cửa để đón kỹ thuật Tây phương vào, thì sớm muộn gì văn minh Tây phương cũng sẽ vào nội bộ ta mà gây cuộc chấn động. Chỉ có

PHẦN II. Chính Đền Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

khác một điều là, nếu chúng ta không mở cửa thì chúng ta sẽ chết ngay dưới sự tấn công khốc liệt của các lực lượng Tây phương, và chúng ta không còn chủ động được con thuyền của chúng ta nữa, như trường hợp Việt Nam.

Nếu chúng ta mở cửa thì ít ra, mặc dầu tất cả sóng gió nhưng chúng ta vẫn chủ động con thuyền của chúng ta để có thể đưa nó được đến một trạng thái điều hòa mới. Đó là trường hợp của Nhật Bản, trong khi và sau khi duy tân xã hội Nhật trải qua nhiều cuộc chấn động dữ dội mà ảnh hưởng ngày nay vẫn còn.

Nếp sống mới nằm chồng lên nếp sống cũ, văn minh cũ đã hết tiến, nhưng trạng thái điều hòa của văn minh mới vẫn chưa ổn định. Nhưng mặc dầu tất cả khuyết điểm đó, mặc dầu tất cả các cuộc chấn động phát sinh từ cuộc chiến đấu giữa hai nền văn minh, xã hội Nhật không bao giờ bị gián đoạn trong sự lãnh đạo và lúc nào dân tộc Nhật cũng chủ động con thuyền của họ. Chỉ một điều kiện này cũng đủ để bảo đảm cho tương lai.

Phản ứng Trung Hoa và Thái Lan

Nay nếu chúng ta so sánh trường hợp của Trung Hoa và Thái Lan với trường hợp Nhật Bản, các ý tưởng trên đây càng được xác nhận.

Trung Hoa và Thái Lan cũng bị sự tấn công của Tây phương như Nhật Bản. Nhưng các nhà lãnh đạo lại lựa chọn thái độ thứ hai, như đã nói trên kia, nghĩa là bảo vệ trạng thái điều hòa của nền văn minh cũ. Chỉ nhờ mâu thuẫn chính trị giữa các cường quốc nên hai quốc gia trên, sau khi chiến bại, không bị chinh phục, và biến làm thuộc địa như Việt Nam.

Tuy nhiên, chủ quyền đã sút mẻ, họ không còn hoàn toàn chủ động con thuyền, không chủ động được công cuộc phát triển. Chính vì ý thức dùng kỹ thuật Tây phương để chống Tây phương và lâm thời thắng Tây phương chưa chín mùi trong não người lãnh đạo, nên cơ hội phát triển đã bỏ lỡ.

Các mâu thuẫn chính trị giữa các cường quốc Tây phương một khi đã ngăn cản được sự chinh phục thật sự lãnh thổ của họ, không được lợi dụng để phát triển dân tộc như ở Nhật.

Vì vậy mà dân tộc Trung Hoa và dân tộc Thái Lan vẫn nằm trong tình trạng chậm tiến, cho đến ngày cơ hội thứ hai đưa đến, như ta đã thấy trên kia. Ngày nay Trung Hoa đã nắm được cơ hội thứ hai và đang mạnh bạo phát triển, Tây phương hóa theo kiểu Cộng Sản. Nhưng cho đến ngày giờ này chưa có triệu chứng gì cho chúng ta thấy rằng Thái Lan đã nắm được cơ hội.

Trở lại thời gian một trăm năm giữa hai cơ hội dân tộc Trung Hoa và Thái Lan vẫn ở trong tình trạng bi đát của những nước bị biến thành bán thuộc địa. Công cuộc Tây phương hóa, trong thời kỳ đó, hai quốc gia trên không được tự ý mình đặt thành một công cuộc quốc gia, nhưng họ vẫn không tránh được, vì không làm sao kháng cự nổi trước sự tấn công mãnh liệt của kỹ thuật Tây phương.

Chỉ khác với trường hợp Nhật Bản ở chỗ là công cuộc Tây phương hóa không được hướng dẫn và không được chủ động. Những cuộc duy tân hỗn loạn càng mang đến những chấn động kinh khủng trong xã hội, mà lại không có một cố gắng nào để chủ động con thuyền

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

hầu đưa nó đến một trạng thái điều hòa mới. Tất cả những xáo trộn trong xã hội Trung Hoa và Thái Lan trong thời kỳ trên đều phát sinh từ các sự kiện trên đây. Duy chỉ có một sự kiện còn ít nhiều khả năng thuyên giảm tính cách trầm trọng của tình trạng trên, là chủ quyền trong hai quốc gia trên không hoàn toàn mất nên xã hội của họ không bị tan rã và không hề bị gián đoạn trong sự lãnh đạo. Vấn đề lãnh đạo quốc gia vẫn được chuyển tay nhau từ thế hệ trước sang thế hệ sau.

Phản ứng của Việt Nam

Đối với Việt Nam sự kiện chót này lại cũng không có nữa. Vì vậy mà tình trạng của Việt Nam trong thời kỳ qua và ngay bây giờ còn trầm trọng hơn tình trạng của Trung Hoa và của Thái Lan nhiều.

Sau cuộc chiến bại, nước Việt Nam bị chiếm làm thuộc địa. Chủ quyền bị mất hẳn, việc lèo lái con thuyền của chúng ta không còn ở trong tay của chúng ta nữa. Và sự kiện ấy đã xảy ra, vì, trong một giai đoạn quyết liệt của lịch sử dân tộc, chúng ta đã gặp phải một lớp người lãnh đạo thiếu sáng suốt và thiếu thiết thực, kiêu căng và không thức thời, không chịu phóng tầm mắt mà nhìn vào vấn đề thiết thực của dân tộc, tự giam hãm trí óc trong những quan niệm chật hẹp về quyền bính và triều đại.

Những khuyết điểm đó đã dẫn dắt đến sự lờ cơ hội phát triển cho dân tộc lần thứ nhất. Hơn thế nữa, việc lờ cơ hội đối với chúng ta khốc hại bội phần hơn là đối với Trung Hoa và Thái Lan. Trong một trăm năm lệ thuộc, xã hội của chúng ta tan rã và công cuộc lãnh đạo quốc gia đã bị đứt đoạn. Dầu nhà Nguyễn có công khai thác đất đai rộng lớn gấp mấy lần phần đất mà Nguyễn Triều lúc nào cũng lấy làm tự hào đã góp phần vào di sản quốc gia, thì họ cũng không bù đắp được lỗi lầm về lãnh đạo trong một giai đoạn quyết liệt của dân tộc như chúng ta đã thấy trên đây.

Sau này các sử gia của chúng ta làm việc theo kỹ thuật khoa học, tất nhiên sẽ tìm thấy những chi tiết và nhận thấy rõ hơn trường hợp không tha thứ được của nhà Nguyễn khi phạm vào những lỗi lầm to tát lưu lại hậu quả tàn khốc cho dân tộc.

Việc tai hại thứ nhất cho chúng ta ở chỗ là chính lúc nền văn minh của chúng ta phải đương đầu với những cuộc chấn động do những phần tử ngoại lai gây nên trong xã hội chúng ta, lại là lúc mà chúng ta không còn chủ động vận mạng của chúng ta được nữa.

Xã hội Nhật Bản khi gặp phải hoàn cảnh đó, đã may mắn được đặt dưới sự lãnh đạo của một lớp người vừa cực kỳ sáng suốt, vừa đủ chủ quyền và thừa phương tiện để nắm vững con thuyền quốc gia. Thế mà, xã hội Nhật vẫn bị xáo trộn đến tận nền tảng và phải bỏ trạng thái điều hòa của văn minh để tìm một trạng thái điều hòa mới, như chúng ta đã biết.

Trái lại, dân tộc chúng ta, trong cơn bão tố lại không người lèo lái. Lớp người lãnh đạo trước đã biến mất trong cơn chiến bại. Các lớp người kế tiếp bị kẻ chinh phục tiêu diệt. Trong khi đó, theo chân người chiến thắng, văn minh mới ồ ạt đưa đến gây ra một cuộc duy tân hỗn độn, không lẽ lỏi không mục đích. Những giá trị tiêu chuẩn cổ truyền cùng với sự chiến bại của dân tộc, bị phá sản và khinh miệt. Trong khi đó những giá trị tiêu chuẩn mới

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

chưa có, xã hội không giá trị tiêu chuẩn như con thuyền trôi dạt, không phương hướng và không sinh lực.

Tình trạng này là nguyên nhân duy nhất cho tất cả các quái tượng đã hiện ra trong suốt thời gian gần một trăm năm mà chúng ta, khi nhìn thấy, phải vừa đau đớn vừa tủi nhục. Xã hội chia làm hai khối: một bên cố gắng bảo vệ lấy các giá trị cổ truyền đã chết thành thây ma, một bên duy tân nhưng không biết duy tân để làm gì, và cũng không biết duy tân theo hướng nào, chỉ bắt chước cử chỉ như khi và lời nói như sáo. Hai bên tân, cựu khinh miệt nhau, thật là một hiện tượng rõ rệt của một xã hội đang tan rã.

Tình trạng càng trở nên bi thảm khi chính phủ “mới” với sự ủng hộ của kẻ xâm lăng đã thắng phái “cũ”. Các giá trị cũ, tuy đã chết như cây khô vì không người vun tưới, nhưng đó là những tiêu chuẩn giá trị thật, có thời đã đào tạo được những thế hệ người gồm nhiều đức tính cao cả. Với sự sụp đổ của những giá trị đó, tiết tháo và tính khí của người xưa cũng mất luôn. Lớp người “mới”, lại không biết duy tân để làm gì ngoài sự hưởng thụ vật chất, không có sáng tạo, không có những biểu lộ chứng minh cho sinh lực của một xã hội. Có lẽ không bao giờ dân tộc chúng ta đã xuống đến thấp như vậy và chưa bao giờ chúng ta đã đến gần chỗ diệt vong như vậy. Ngược lại, chính vì đã vượt qua được những bước tuyệt vọng như vậy, mà chúng ta lại càng tin tưởng vào sinh khí của dân tộc.

Hậu quả tai hại nhất mà thời kỳ Tây thuộc đã để lại cho chúng ta là sự tan rã của xã hội Việt Nam và sự gián đoạn trong việc lãnh đạo quốc gia. Cũng như chủ nghĩa đế quốc kiểu Pháp đã để lại cho chúng ta một hậu quả tai hại không kém: lớp người tai mắt trong xã hội thời Pháp không thể dùng vào các nhiệm vụ lãnh đạo được.

So sánh như trên đây, trường hợp của Nhật và Trung Hoa với trường hợp của chúng ta, chúng ta mới ý thức sung mãn tính cách vô cùng trầm trọng của tình trạng nguy ngập mà xã hội chúng ta đang lâm vào. Tất cả ba dân tộc đều ở trong xã hội Đông Á, cùng một văn minh, cùng một giá trị truyền thống, đã cùng, trong một lúc, gặp phải một nguy cơ chung.

Nhưng dân tộc Nhật đã phản ứng kịp thời, chiến thắng, bảo tồn độc lập, giữ nguyên chủ quyền, nắm được ngay cơ hội thứ nhất để phát triển dân tộc. Sự lãnh đạo quốc gia không bị gián đoạn, công cuộc duy tân được hướng dẫn và các giá trị tiêu chuẩn truyền thống không bị phá sản. Nhờ vậy nên xã hội Nhật vẫn tiến liên tục, chế ngự được các cuộc chấn động do những giá trị ngoại lai gây nên sau khi xâm nhập vào trạng thái điều hòa của nền văn minh cũ. Xã hội Nhật chỉ có bị bắt buộc phải bỏ trạng thái điều hòa cũ để tìm một trạng thái điều hòa mới.

Dân tộc Trung Hoa không phản ứng kịp thời, chiến bại độc lập được bảo tồn không phải nhờ ở nỗ lực chủ động mà nhờ ở ngoại cảnh. Chủ quyền bị sút mẻ, nên mặc dầu sự lãnh đạo quốc gia không bị gián đoạn, công cuộc duy tân không được hướng dẫn, các giá trị truyền thống bị phá sản, nắm không được cơ hội thứ nhất để phát triển dân tộc. Vì vậy cho nên, không chế ngự được các cuộc chấn động do những giá trị ngoại lai gây nên sau khi xâm nhập vào trạng thái điều hòa của nền văn minh cũ. Xã hội Trung Hoa tuy không tiến triển liên tục, nhưng nhờ chủ quyền không mất nên không bị tan rã. Ngày nay, Trung Hoa đã nắm

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

được cơ hội thứ hai và đang dốc hết nỗ lực của dân tộc để thực hiện công cuộc phát triển và duy tân mà nước Nhật đã làm xong.

Và cố nhiên Trung Hoa cũng sẽ bỏ trạng thái điều hòa cũ để tìm một trạng thái điều hòa mới. Nhưng công cuộc ấy sẽ thực hiện từ một xã hội không bị tan rã và với một sự lãnh đạo không hề bị gián đoạn.

Dân tộc Việt Nam không phản ứng kịp thời, chiến bại, độc lập bị mất, nước nhà biến thành thuộc địa, chủ quyền hoàn toàn mất, chẳng những không nắm được cơ hội thứ nhất để phát triển dân tộc, lại hoàn toàn bất lực đối với một công cuộc duy tân bắt buộc, không hướng dẫn và hỗn độn.

Các giá trị truyền thống bị phá sản. Hoàn toàn bất lực trước các cuộc chấn động do những giá trị ngoại lai gây nên sau khi xâm nhập vào trạng thái điều hòa của nền văn minh cũ. Vì không gặp trở lực nên các cuộc chấn động mặc tình hoành hành phá hoại xã hội đến tan rã. Sự hoàn toàn mất chủ quyền lại gây sự gián đoạn trong việc lãnh đạo quốc gia. Ngày nay chưa có gì bảo đảm là chúng ta đã nắm được cơ hội thứ hai để thực hiện công cuộc phát triển dân tộc. Giả sử chúng ta có nắm được thì công cuộc phát triển và duy tân sẽ thực hiện từ một xã hội đã tan rã và với một sự lãnh đạo quốc gia đã bị gián đoạn.

Hai hoàn cảnh này là hai điều kiện vô cùng nghiêm khắc đối với chúng ta, nếu chúng ta nắm được cơ hội thứ hai. Và thế nào là nắm bắt được và thế nào là không nắm được cơ hội, chúng ta sẽ trả lời rõ ràng các câu hỏi đó sau này.

Giờ đây chúng ta tìm hiểu vì sao mà hai hoàn cảnh trên là hai điều kiện vô cùng nghiêm khắc đối với chúng ta khi chúng ta bắt tay vào công cuộc phát triển dân tộc và công cuộc Tây phương hóa.

Lãnh đạo quốc gia gián đoạn

Như thế nào là một sự lãnh đạo quốc gia bị gián đoạn?

Trong một tình trạng bình thường chủ quyền của quốc gia chuyển tay một cách êm thấm từ lớp người lãnh đạo này sang lớp người lãnh đạo sau. Sự liên tục trong sự lãnh đạo nằm ở chỗ các bí mật lãnh đạo và các bí mật quốc gia được mật truyền cho nhau. Đời sống của người ngấn ngủi sánh với đời sống của quốc gia, sự liên tục lãnh đạo thực hiện được nhờ ở sự mật truyền nói trên và nhờ ở các văn khố và ở chỗ có người biết sử dụng văn khố. Ngoài ra thuật lãnh đạo được truyền cho nhau nguyên vẹn từ thế hệ này sang thế hệ khác. Với thời gian, các bí mật chong chóng, các văn khố lưu trữ, sự trau dồi thuật lãnh đạo càng ngày càng tinh vi, và kinh nghiệm lãnh đạo súc tích là một di sản quý báu không thể lường được cho một dân tộc.

Sức mạnh của nước Anh hay nước Mỹ mà chúng ta mục kích ngày nay bắt nguồn trước hết từ chỗ hai quốc gia này đã thực hiện được việc liên tục lãnh đạo quốc gia trong gần 200 năm. Một nhà lãnh đạo Anh, ngày nay bước lên nắm chính quyền, là tức khắc sau lưng mình có 400 năm kinh nghiệm và văn khố làm hậu thuẫn. Đó là một di sản quý báu không có gì thay thế được và tạo cho họ một sức mạnh phi thường.

PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Với các hậu thuẫn đó, họ có thể hiểu biết và giải quyết những việc ngoài khả năng của những người, dầu tài ba đến đâu, nhưng thiếu hậu thuẫn của dĩ vãng. Mỗi biến cố xảy ra bất cứ nơi nào trên thế giới đều có thể đối chiếu với một biến cố tương tự đã xảy ra trước đây và đã được ghi chép vào văn khố của họ. Nhờ vậy mà họ biết rõ bí mật lãnh đạo của hầu hết các nước khác hơn là chính người lãnh đạo của những nước đó. Trên phương diện này nước Pháp, nước Đức hay cả nước Nga cũng không sánh được với nước Anh. Và nước Pháp, nước Đức và nước Nga chưa thực hiện được sự liên tục lãnh đạo như nước Anh. Vì vậy chúng ta không lấy làm lạ khi biết rằng ngày nay chính là chính sách ngoại giao của Anh, Mỹ lãnh đạo thế giới ngày nay.

Trên phương diện này, và với thời gian qua, cách mạng năm 1789 của Pháp, mang đến nhiều cuộc xáo trộn trong xã hội Pháp, là một biến cố có hại nhiều hơn có lợi cho quốc gia Pháp. Việc lãnh đạo quốc gia bị một gián đoạn sâu rộng và đến ngày nay việc chuyển quyền trong sự lãnh đạo quốc gia một cách liên tục, nước Pháp vẫn chưa giải quyết được một cách ổn thỏa. Những biến cố không hay cho nước Pháp cho đến ngày nay, từ cách mạng 1789, đều là hậu quả của những sự kiện trên. Và trong việc chạy đua chiếm thuộc địa giữa các cường quốc Âu Châu trong các thế kỷ vừa qua, sở dĩ Anh thắng thế cũng nhờ ở hậu thuẫn vô biên của gần 400 năm liên tục trong việc lãnh đạo quốc gia.

Dân tộc Đức, trên mọi lãnh vực của đời sống, đã tỏ ra có nhiều đức tính, mà các dân tộc khác không bì kịp, và đã góp vào văn minh của nhân loại những sáng tạo cao cả. Nhưng sở dĩ ngày nay chỉ vẫn còn điều đứng cũng chỉ vì không giải quyết được vấn đề chuyển quyền và lãnh đạo liên tục quốc gia. Nước Nga sau cuộc cách mạng 1917 đã thành công trong cuộc phát triển dân tộc và duy tân xã hội. Nhưng họ phải trả bằng một giá rất đắt và phải sau hơn ba mươi năm, mới chế ngự được các chấn động do sự gián đoạn về lãnh đạo gây nên. Mặc dầu như vậy, ngày nay nhược điểm của Nga Xô vẫn còn ở chỗ bộ máy chính quyền của Cộng Sản vẫn chưa giải quyết được vấn đề chuyển quyền và vấn đề lãnh đạo liên tục quốc gia.

Với thời gian qua, các cuộc cách mạng bạo động trong lịch sử đều là những cái hại, dù là có cần thiết đi nữa, vẫn là những cái hại cho quốc gia và dân tộc. Nếu cân nhắc hai bên, một bên là cuộc cách mạng bạo động để thanh toán các tệ đoan trước mắt của xã hội và một bên là sự bảo đảm cho sự lãnh đạo liên tục quốc gia, thì lịch sử trả lời rằng sự lãnh đạo liên tục quốc gia quan hệ hơn, vì nó là một quan điểm dài hạn, còn cách mạng bạo động là một quan điểm ngắn hạn. Mà lịch sử là một quan điểm dài hạn so sánh với đời sống cá nhân là một quan điểm ngắn hạn. Một dân tộc càng trưởng thành quan điểm càng dài hạn, và quan điểm càng dài hạn, dân tộc càng có cơ hội và phương tiện để trưởng thành.

Hơn nữa những cái tệ đoan có thể thanh toán bằng nhiều lối, ngoài lối cách mạng bạo động.

Sự lãnh đạo quốc gia liên tục

Như trên đã trình bày, sự lãnh đạo quốc gia được liên tục khi nào các điều kiện dưới đây được thỏa mãn:

1. Sự chuyển quyền được bình thường từ lớp người trước cho tới lớp người sau.

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỮA TRÌNH BÀY**

2. Các bí mật quốc gia được truyền lại.
3. Thuật lãnh đạo được truyền lại và được cải thiện càng ngày càng tinh vi.
4. Các kinh nghiệm của dĩ vãng được xếp vào văn khố, được truyền lại và có người biết sử dụng văn khố.

Cứ theo các điều kiện trên đây, một chế độ độc tài hay quân chủ chuyên chế hoàn toàn bất lực trong việc bảo đảm một sự lãnh đạo quốc gia liên tục. Vì cái mầm bạo động lúc nào cũng được tạo ra và bị đàn áp bởi các chế độ trên.

Nhưng càng đàn áp lại càng nuôi dưỡng đúng theo luật tự nhiên của lịch sử và cuối cùng bạo động sẽ bùng nổ và mang lại sự gián đoạn trong vấn đề lãnh đạo quốc gia. Nhận xét trên đây sẽ ảnh hưởng nặng trên sự lựa chọn đường lối của chúng ta sau này.

Nếu việc lãnh đạo quốc gia được liên tục nhờ ở sự thỏa mãn các điều kiện trên đây, thì dĩ nhiên, sự thiếu một hay nhiều điều kiện trên đây sẽ đem đến sự gián đoạn trong việc lãnh đạo. Và tùy theo điều kiện thiếu nhiều hay ít, sự gián đoạn ấy sẽ dung nạp được hay trầm trọng. Chúng ta có thể phân biệt ba trình độ gián đoạn.

Trình độ gián đoạn nhẹ nhất xảy ra khi sự chuyển quyền từ lớp người trước cho lớp người sau không được bình thường, các bí mật quốc gia trong giai đoạn ngắn trước đó sẽ mất. Tuy nhiên văn khố hãy còn và thuật lãnh đạo không đến nỗi mất hẳn. Các cuộc đảo chánh ở Nam Mỹ rất là điển hình cho trình độ này.

Trình độ gián đoạn trầm trọng xảy ra khi sự chuyển quyền từ lớp người trước cho lớp người sau, chẳng những không được bình thường, mà lại còn diễn ra trong những hoàn cảnh bạo động kinh khủng. Các bí mật quốc gia mất hết, văn khố bị thiêu hủy, người sử dụng văn khố không còn. Thuật lãnh đạo và kinh nghiệm của dĩ vãng được thay thế bằng sự hăng hái của dân chúng và sáng kiến cá nhân. Di sản của dĩ vãng không còn nữa, vì sự điên rồ của người đời làm cho họ tin rằng họ cần san bằng tất cả dĩ vãng để xây dựng tương lai. Cách mạng năm 1789 của Pháp là một ví dụ cụ thể nhất cho trường hợp này. Biết như vậy rồi chúng ta không lấy làm lạ tại sao cho đến ngày nay người Pháp vẫn chưa giải quyết được một cách ổn thỏa vấn đề lãnh đạo liên tục cho quốc gia của họ.

Cũng trên phương diện này, sự chính quyền Việt Minh, vô tình hay cố ý, không bảo vệ được phần văn khố của triều Nguyễn mà người Pháp còn để lại, để cho dân chúng Huế đốt phá một phần quan trọng của di sản kinh nghiệm của chúng ta, là một lỗi rất lớn, không có gì tha thứ được đối với quốc gia và dân tộc. Tuy nhiên, dù vô tình hay cố ý việc đó đã xảy ra chứng minh cho sự kiện chính vì chúng ta đã mất truyền thống lãnh đạo, cho nên những người có trách nhiệm trong chính phủ Việt Minh lúc bấy giờ ở Huế không ý thức được tính cách quan trọng và quốc gia cần thiết của sự bảo vệ văn khố. Càng mất truyền thống lãnh đạo lại càng phá hủy những di sản khả dĩ bảo vệ sự lãnh đạo quốc gia. Tục ngữ thường nói “nghèo lại càng nghèo” là vậy.

Trình độ gián đoạn trầm trọng nhất xảy ra khi sự chuyển quyền không thực hiện được giữa lớp người trước và lớp người sau. Bí mật lãnh đạo và bí mật quốc gia đều mất.

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Thuật lãnh đạo không truyền lại được. Di sản dĩ vãng không người thừa nhận, văn khố thất lạc và bị cướp bóc. Đó là trường hợp của các nước bị chinh phục, mất chủ quyền. Và đó là trường hợp của Việt Nam chúng ta trong thời kỳ Pháp thuộc.

Lớp người lãnh đạo trước của chúng ta đã mất, lớp người lãnh đạo sau của chúng ta không có. Di sản dĩ vãng tiêu tan. Tình trạng của chúng ta thật là khủng khiếp nếu chúng ta tưởng tượng rằng, trước mặt một nhà lãnh đạo Anh tựa lưng vững chãi trên di sản dày 400 năm, sẵn sàng ứng phó với mọi biến cố, nhà lãnh đạo của chúng ta đứng lên, cô độc, sau lưng không có lấy được một tờ di sản làm hậu thuẫn.

Hoàn cảnh trong đó chúng ta phải chiến đấu để thực hiện cuộc phát triển dân tộc, nghiêm khắc là vậy đó. Ý nghĩa của chữ “chậm tiến” là vậy đó.

Điều kiện của một sự lãnh đạo liên tục

Vì vậy cho nên dốc hết nỗ lực của toàn dân vào công cuộc chung cũng chưa chắc là đủ. Nhưng đó là việc chúng ta sẽ bàn tới sau này. Giờ đây để hết tâm trí chúng ta vào một điều tối quan trọng là đường lối của chúng ta sau này sẽ được lựa chọn như thế nào để khả dĩ bảo đảm cho sự lãnh đạo liên tục quốc gia và tiết kiệm được người lãnh đạo mà chúng ta vô cùng khan hiếm sau thời kỳ Pháp thuộc. Điều này như trên đã nói chắc chắn một chính thể độc tài không làm được.

Một sự kiện khác chứng minh cho tính cách thiết yếu của sự lãnh đạo liên tục quốc gia, là tình trạng của các nước Nam Mỹ. Ở các nước này, những sự gián đoạn trong việc lãnh đạo tuy với hình thức nhẹ nhưng xảy ra luôn vì những cuộc đảo chánh liên liên. Nhiều gián đoạn nhỏ liên tiếp trở thành những gián đoạn lớn, cho nên các nước Nam Mỹ trải qua nhiều thế hệ vẫn là chậm tiến. Một mặt khác, ví dụ trên đây lại chứng minh cho một sự kiện khác: muốn chặn sự phát triển của một dân tộc thì không có biện pháp nào hiệu quả bằng biện pháp gây ra nhiều gián đoạn trong việc lãnh đạo quốc gia của dân tộc ấy. Đây là một thủ đoạn thường dùng của các cường quốc Tây Âu trước đây khi mang kỹ thuật Tây phương đi chinh phục thế giới.

Sự gián đoạn trong vấn đề lãnh đạo làm cho quốc gia suy nhược theo một thể thức cơ bản như thế nào chúng ta đã rõ.

Nhưng nếu sự gián đoạn diễn ra trong những hoàn cảnh bạo động gây sự giết chóc giữa nhiều phe phái, thì lại còn gây nhiều thảm hại to tát cho quốc gia trên một lĩnh vực khác.

Trở về ví dụ của nước Anh một lần nữa, chúng ta sẽ ý thức rõ ràng sự thảm hại vừa nói trên. Ở nước Anh việc lãnh đạo quốc gia liên tục đã được giải quyết hoàn bị. Khi cần thay đổi một nhà lãnh đạo, tức khắc bộ máy hiến pháp vận chuyển, và một người lãnh đạo khác lên thay thế, người lãnh đạo trước buông việc, về tịnh dưỡng và suy nghiệm các hành vi đã qua của mình.

Những người lãnh đạo xứng danh bao giờ cũng hành động theo một triết lý chính trị mà họ đã nghiền ngẫm lâu ngày, trước khi mang ra thực hành. Nếu khi đụng chạm với thực tế, những tư tưởng đang hướng dẫn hành động của họ đã tỏ ra sai lạc, hay vì hoàn cảnh bên

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

ngoài đã biến đổi nên không còn phù hợp với những tư tưởng ấy nữa thì cần phải có một sự thay đổi ngay. Nhưng thay đổi như thế nào.

Người lãnh đạo phải thay đổi tư tưởng, hay là phải thay đổi người lãnh đạo.

Kinh nghiệm chỉ rằng không bao giờ người lãnh đạo thay đổi tư tưởng trong lúc đang ở trong không khí hành động, bởi một lẽ rất dễ hiểu là họ phải mất nhiều thì giờ nghiên ngẫm mới đi đến triết lý chính trị mà họ chủ trương. Nay nếu nó không phù hợp với hoàn cảnh, họ phải có đủ thời giờ để một là xét vì sao triết lý ấy không phù hợp và hai để tìm triết lý khác thay thế vào. Điều mà họ không thể làm được nếu họ vẫn bị hành động lôi cuốn. Vì vậy cho nên yêu cầu một người lãnh đạo thay đổi tư tưởng của họ đang khi hành động là một việc không bao giờ thực hiện được. Giả sử mà họ có thay đổi được thì, việc lãnh đạo lại sẽ gặp một nguy cơ lớn hơn nữa. Bởi vì thay đổi hấp tấp và không suy ngẫm như vậy, người lãnh đạo sẽ không còn là chính họ nữa. Và đương nhiên hiệu quả trong hành động của họ sẽ kém bội phần.

Như vậy, chỉ còn cách là phải thay đổi người lãnh đạo.

Thoát khỏi không khí náo nhiệt và thúc dục của hành động, người lãnh đạo bị thay đổi sẽ suy ngẫm hành động đã qua, rút kinh nghiệm cho bản thân và viết thành sách những kinh nghiệm ấy để làm giàu thêm cho di sản dĩ vãng của quốc gia.

Hơn thế nữa, người lãnh đạo bị thay đổi lại có ngày giờ nghiên ngẫm một triết lý chính trị khác hợp với tình thế hơn, và nếu có cơ hội cho họ trở ra hoạt động, thì quốc gia lại có một người lãnh đạo kinh nghiệm hơn gấp mấy lần người lãnh đạo đã bị thay đổi trước đây. Nay, nếu thay vì một sự chuyển quyền bình thường, nhiều bạo động lại diễn ra làm thiệt mạng những người lãnh đạo trước, chúng ta sẽ mất, ngoài những bí mật lãnh đạo mà chúng ta đã nói rồi trên kia, vừa các kinh nghiệm lãnh đạo có thể làm cho di sản dĩ vãng chúng ta thêm phong phú, vừa một người lãnh đạo mà quốc gia lúc nào cũng khan hiếm.

Lý luận trên đây lại còn làm cho chúng ta nhận xét thêm rằng:

1. Không bao giờ thay đổi được tư tưởng của người lãnh đạo trong lúc họ đang hành động.
2. Người lãnh đạo dù tài ba đến đâu cũng có lúc cần phải được thay đổi, vì tư tưởng không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tế.
3. Sự lãnh đạo quốc gia liên tục một khi được bảo đảm, di sản dĩ vãng của quốc gia càng thêm phong phú, và quốc gia càng giàu người lãnh đạo. Di sản quốc gia càng thêm phong phú và quốc gia càng giàu người lãnh đạo thì việc lãnh đạo quốc gia liên tục lại càng thêm bảo đảm.
4. Ngược lại, sự lãnh đạo quốc gia liên tục không thực hiện được, thì di sản dĩ vãng của quốc gia càng ngày càng suy vi và quốc gia càng ngày càng nghèo người lãnh đạo. Và di sản dĩ vãng càng suy vi và quốc gia càng nghèo người lãnh đạo thì việc lãnh đạo quốc gia liên tục lại càng khó thực hiện được.

Vì những lý do trên, nên một chế độ độc tài, mà bản chất là dựa, trước hết, trên nguyên tắc không thay đổi người lãnh đạo, không thể phù hợp với thực tế. Và không phù hợp với thực

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

tế là không thực hiện được sự lãnh đạo quốc gia liên tục. Và chúng ta đã thấy sự tai hại cho quốc gia như thế nào nếu sự lãnh đạo liên tục không thực hiện được. Nhận xét này sẽ ảnh hưởng nặng trên sự lựa chọn đường lối của chúng ta sau này.

Sau khi đã giải thích vì sao sự lãnh đạo quốc gia bị gián đoạn là một điều kiện nghiêm khắc cho chúng ta, chúng ta còn phải giải thích vì sao mà sự kiện xã hội chúng ta đã tan rã lại là một điều kiện nghiêm khắc khác.

Xã hội bị tan rã

Như thế nào là một xã hội bị tan rã?

Như trong một phần trên chúng ta đã nói, một xã hội bình thường, có một nền văn minh đã tiến bộ, đều có một toàn bộ giá trị tiêu chuẩn làm mục thước cho hoạt động của xã hội trong mọi lĩnh vực. Những giá trị tiêu chuẩn không nhất thiết ảnh hưởng theo một chiều, nhưng tất cả, với thời gian, quân bình lẫn nhau và lập thành một trạng thái điều hòa cho toàn bộ. Nếu trạng thái điều hòa là một thể thăng bằng động tiến thì nền văn minh của xã hội đó đang thời phát triển. Nếu trạng thái điều hòa là một thể thăng bằng tĩnh chỉ thì nền văn minh của xã hội đó đang đương lúc ngưng trệ.

Nhưng trong trường hợp nào xã hội đó cũng sống trong một trạng thái điều hòa và tất cả phần tử trong xã hội đều tin tưởng tuyệt đối vào những giá trị tiêu chuẩn trên, và mọi người trong xã hội đều cố gắng hành động phù hợp với các tiêu chuẩn trên. Và vì mọi người đều tin tưởng vào các tiêu chuẩn trên, nên bất cứ hành động nào phù hợp với các tiêu chuẩn trên đều tìm được ở trong tâm hay trí của mỗi người một sự rung động ăn nhịp theo. Do đó các giá trị tiêu chuẩn là những tín hiệu tập hợp cho các phần tử trong xã hội. Ví dụ trong xã hội Việt Nam xưa kia, quan niệm quân tử là một giá trị tiêu chuẩn. Trung, hiếu là những giá trị tiêu chuẩn. Nói lên những danh từ quân tử, trung, hiếu, mọi người đều hội ý với của người nói.

Trong một xã hội, những giá trị tiêu chuẩn không phải là bất di bất dịch, nhưng bao giờ cũng có. Và các giá trị tiêu chuẩn, tùy theo sự tiến hóa của xã hội cũng sinh ra, phát triển, trưởng thành, già cỗi và chết đi như một sinh vật. Tuy nhiên, lúc nào các giá trị tiêu chuẩn cũng hợp thành một trạng thái điều hòa, có khả năng duy trì và nuôi dưỡng sức kết hợp các phần tử trong xã hội thành một cộng đồng.

Do đó xã hội sẽ tan rã khi nào tất cả hay phần lớn các giá trị tiêu chuẩn đều phá sản mà không được thay thế. Trường hợp này rất rõ rệt trong xã hội Việt Nam sau khi thời kỳ Pháp thuộc. Như chúng ta đã thấy rõ trong một đoạn phân tích trên kia, sau khi chiến bại, chủ quyền bị mất, trách nhiệm lèo lái con thuyền Việt Nam sang tay người ngoại quốc nên dân tộc Việt Nam hoàn toàn mất chủ động đối với chính vận mạng của mình. Trong khi đó văn minh của chúng ta bị sự tấn công của văn minh Tây phương, nghĩa là các giá trị tiêu chuẩn của chúng ta bị các giá trị tiêu chuẩn của Tây phương đã phá. Và chúng ta đã thấy vì nguyên nhân nào mà xã hội chúng ta không chống trả nổi. Trước làn sóng ồ ạt của văn minh Tây phương các giá trị tiêu chuẩn của chúng ta khô héo và chết dần, và không được thay thế. Ngày nay những danh từ quân tử, trung quân, hiếu tử không còn làm rung động được bao nhiêu người. Và chúng ta không còn những tín hiệu để tập hợp những phần tử trong xã hội

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

nữa. Không tập hợp được tức là các phần tử sống rời rạc, không còn hưởng ứng nhịp nhàng theo một giá trị tiêu chuẩn nào nữa. Và như thế là xã hội tan rã.

Các giá trị tiêu chuẩn cũ đã mất hết uy tín, nhưng những người tự xem mình là theo mới lại hướng về những giá trị tiêu chuẩn nào?

Thật ra, công cuộc theo mới dưới thời Pháp thuộc không được hướng dẫn, nên rất là hỗn độn và không mục đích. Vì thế những người theo mới không hề lên được đến trình độ tìm ra những giá trị tiêu chuẩn mới để theo. Họ chỉ bắt chước lối ăn mặc và lối sống Tây phương. Và chưa bao giờ có ai nghĩ đến việc cần thay thế những giá trị tiêu chuẩn đã chết bằng những giá trị tiêu chuẩn khác. Đó là vấn đề mà chúng ta cần phải xét tỉ mỉ sau này khi đặt đường lối cho chúng ta.

Xã hội tan rã là một hoàn cảnh khắc nghiệt

Giờ đây chúng ta đã thấy rằng xã hội chúng ta tan rã vì không còn tiêu chuẩn giá trị để kết hợp các phần tử lại. Vì sao mà một tình trạng như vậy là một hoàn cảnh khắc nghiệt cho chúng ta khi chúng ta bắt tay vào công cuộc phát triển dân tộc. Vì lý do sau đây:

Trước hết, chúng ta sẽ thấy sau này, công cuộc phát triển dân tộc là một công cuộc to tát mặc dầu đầy kích thích, nhưng đòi hỏi ở toàn dân. Nhiều nỗ lực liên tục chóng làm mệt mỏi mọi người và nhiều hy sinh nặng nề chóng làm cho mọi người chán nản và sau đó phẫn nộ, và oán ghét. Nếu chúng ta không có một mãnh lực gì để thuyết phục toàn dân và huy động họ để cùng nhau mạnh bước trên đường tiên bộ, thì hy vọng thành công của chúng ta không có gì bảo đảm.

Nay nếu xã hội chúng ta đã tan rã vì gần một thế kỷ mang ách nô lệ, thì chúng ta còn trong tay giá trị tiêu chuẩn nào để giúp cho chúng ta thâm phục được sự hưởng ứng của mọi người hầu thực hiện cuộc huy động thiết yếu cho công cuộc phát triển?

Khi nước Nhật nắm cơ hội duy tân, xã hội Nhật còn nguyên vẹn, và các lãnh đạo Nhật đã dùng những giá trị tiêu chuẩn của nền văn minh xưa để huy động dân tộc họ thực hiện công cuộc phát triển. Các nhà lãnh đạo đã kêu gọi lòng ái quốc sâu xa và sự tôn thờ Thiên Hoàng của dân tộc Nhật. Đó là hai giá trị tiêu chuẩn căn bản của xã hội Nhật có mãnh lực thúc đẩy mọi người đến sự hy sinh cuối cùng cho tập thể. Những khí giới sắc bén vô song đó đã được các nhà lãnh đạo Nhật sử dụng đúng mức để thực hiện công cuộc Tây phương hóa với kết quả mà chúng ta thấy ngày nay.

Người Mỹ sau khi chiến thắng và chiếm đóng nước Nhật đã áp dụng một chính sách vô cùng cứng rắn để làm suy giảm uy tín của Thiên Hoàng bằng mọi cách. Lý do chính là vì họ tin rằng quân phiệt chủ nghĩa Nhật Bản đã khai thác giá trị tiêu chuẩn tôn sùng Thiên Hoàng của xã hội Nhật để làm sức mạnh cho họ. Như thế thì, đả phá giá trị tiêu chuẩn đó là đả phá quân phiệt chủ nghĩa đến tận gốc rễ. Nhưng các nhà lãnh đạo Nhật sở dĩ vận dụng hết cái nỗ lực để cứu vãn uy tín của Thiên Hoàng cũng vì họ ý thức được rằng giá trị tiêu chuẩn căn bản của xã hội Nhật là sự tôn sùng Thiên Hoàng.

Trường hợp của người Nhật lại giúp cho chúng ta nhận định được thêm rằng:

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. *VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY*

1. Sự lờ cơ hội phát triển lần thứ nhất cho dân tộc Việt Nam của triều đình nhà Nguyễn chẳng những đưa dân tộc chúng ta vào vòng nô lệ với tất cả các sự thảm hại tàn khốc, lại còn làm cho chúng ta mất nhiều khí giới vô song để chúng ta có thể thực hiện được công cuộc phát triển dân tộc, khi đã dành lại được độc lập.

2. Ngoài các lý do chính trị ngắn hạn và dài hạn, sở dĩ Trung Cộng, sau khi dành lại được toàn vẹn chủ quyền đã chọn chủ trương huy động quần chúng bằng chính sách độc tài, theo lối Cộng Sản để phát triển, cũng vì các nhà lãnh đạo Trung Cộng đã nhận thấy, mặc dầu xã hội của họ chưa đến giai đoạn tan rã như xã hội của chúng ta nhưng sự phá sản của các giá trị tiêu chuẩn cũ của Trung Hoa đã làm mất những tín hiệu tập hợp của văn minh cũ còn có thể sử dụng được. Sau này chúng ta sẽ phân tích tỉ mỉ xem hoàn cảnh có nhiều yếu tố giống hoàn cảnh của chúng ta, có thể áp dụng cho chúng ta không?

Trở lại vấn đề sự tan rã của xã hội Việt Nam, sự trình bày trên đây đã cho chúng ta thấy rõ như thế nào là một xã hội tan rã, và vì sao mà tình trạng đó lại là một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt cho công cuộc phát triển dân tộc của chúng ta.

Một hình ảnh

Nói một cách khác, trước khi người Pháp đến chinh phục chúng ta, và đưa văn minh của họ vào đàn áp văn minh của chúng ta, trên sân khấu Việt Nam, dân tộc chúng ta đã diễn một vở tuồng, tuy có nhiều lớp hay, dở không đều nhau, nhưng trong toàn bộ, toàn thể dân tộc đều ưa thích. Người Pháp đến đây chiếm sân khấu mang một vở tuồng hoàn toàn mới lạ có nhiều đặc tính đầy hấp dẫn nên mặc dầu trong thâm ý đã sẵn thành kiến bài ngoại, nhưng lần đầu một số dân chúng đã bị lôi cuốn. Tuy nhiên, sự ưa thích chỉ đối với các chi tiết sắc phục và dàn cảnh bên ngoài, chứ cái thâm thúy của cốt truyện bên trong vẫn chưa được thấu hiểu và thưởng thức.

Sự kiện lịch sử xoay dần, người Pháp dọn gánh ra đi trả sân khấu lại cho chúng ta. Và một số người định ninh rằng lớp tuồng cũ của chúng ta sau thời gian gián đoạn sẽ được đem ra tiếp tục diễn lại, trong sự tiếp đón nồng nhiệt của khán giả. Nhưng họ kinh ngạc thấy rằng dân chúng không còn hoan nghinh nữa. Bởi vì lớp tuồng của người Pháp đưa đến, chẳng những đã chiếm sân khấu và lôi cuốn một số đông dân chúng, nhưng lại còn đã phá ngầm ngấm những giá trị căn bản của lớp tuồng cũ, cho nên ngày nay dân chúng không còn thấy sự thích hợp của những giá trị căn bản đó nữa. Nhưng vở tuồng của người Pháp lẫn cả đào kép của họ dân chúng càng không ưa. Tuồng Pháp nhất định phải bỏ đi, tuồng cũ không tái diễn được, cố nhiên là chỉ còn có một cách là sắp đặt một vở tuồng mới.

Ví dụ trên đây, cốt mượn một hình ảnh ở một phạm vi nhỏ hẹp, để làm cho vấn đề dễ nhận xét. Trong thực tế vấn đề phức tạp hơn nhiều bởi vì, phạm vi chính trị, nghĩa là phạm vi quốc sự là hoạt động trường của nhiều người, trong khi đó công việc sắp đặt trong một gánh hát, là công việc của một người.

Ví dụ trên lại giúp cho chúng ta nhận thấy thêm rằng, lịch sử không bao giờ là một sự tái diễn không ngừng. Quan điểm lịch sử là một sự tái diễn không ngừng là một quan điểm không thiết thực của những lối suy nghĩ lười biếng và nhát sợ. Lười biếng bởi vì thay vì phải nát óc tìm hiểu các sự kiện phức tạp của đời sống, sự chấp nhận rằng trong hoàn cảnh

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

nào đó và khi những điều kiện nào đó đã được thỏa mãn thì tự nhiên các sự kiện lịch sử tương tự sẽ xảy ra, có vẻ giải quyết một lần một và bằng một cách dễ dàng các sự phức tạp của lịch sử. Nhất sợ vì nếu được soi xét tường tận và phân tích tỉ mỉ các sự kiện lịch sử sẽ lọc ra hết tính cách phức tạp kinh khủng để làm cho nhiều trí óc phải khiếp sợ, vì không thể bao quát nổi. Cho nên thái độ lo rằng lịch sử là một sự tái diễn không ngừng là một lối trốn tránh không dám nhìn sự thật. Sự thật là, nếu có nhiều sự kiện lịch sử giống nhau xảy ra trong những thời gian khác nhau, nhưng không bao giờ hoàn cảnh chung quanh và các yếu tố đều giống nhau cả. Đã như thế chắc chắn rằng không bao giờ một sự kiện lịch sử lại xảy ra hai lần. Sự thật là không bao giờ chúng ta có thể tắm hai lần trong một giống sông, và lịch sử là một giống sông.

Để chứng minh cho quan điểm trên đây chúng ta đã thấy rằng cơ hội phát triển dân tộc đến với chúng ta đã hai lần, nhưng lần sau hoàn toàn khác lần trước, khác vì hoàn cảnh bên ngoài khác và khác như chúng ta đã phân tích trên đây, vì hoàn cảnh nội bộ đã khác.

Dưới đây chúng ta lại có dịp phân tích tỉ mỉ hơn nữa về hai cơ hội phát triển dân tộc đó.

Ngoài ba hậu quả tai hại nhất mà chúng ta đã kể ra trên đây và đã thử phân tích và tìm hiểu nguyên nhân: không có người lãnh đạo, có sự gián đoạn trầm trọng trong việc lãnh đạo quốc gia, và xã hội chúng ta tan rã, thời kỳ thống trị của đế quốc còn để lại cho chúng ta nhiều hậu quả khác, tuy cũng ảnh hưởng trên đời sống của dân tộc nhưng, so sánh với ba loại mà chúng ta đã xem xét trên đây với nhiều chi tiết, có thể vào hàng thứ yếu.

Sự bang giao và ranh giới giữa chúng ta và các nước láng giềng, trong đó, có cả các nước đã hay không cùng với chúng ta cùng chung lệ thuộc một đế quốc, là những hậu quả của thời kỳ thực dân có thể liệt vào loại này. Vấn đề chuyển ngữ trong đời sống của quốc gia là một hậu quả cũng nằm trong loại này.

Việt Nam đang cần phải Tây phương hóa để phát triển dân tộc

Vì sao Tây phương hóa?

Kể từ thế kỷ 15, khi các nước Âu Châu chế ngự được kỹ thuật vượt biển, và bắt đầu cuộc xâm chiếm thế giới, tất cả các quốc gia không thuộc vào xã hội Tây phương, không trừ một nước nào đều bị sự tấn công mãnh liệt của họ. Hoàn cảnh mỗi quốc gia bị tấn công đều khác, nhưng chung qui tất cả các phản ứng đều có thể liệt vào hai loại.

Các cuộc chinh phục thường thường tuần tự diễn ra theo một bối cảnh không thay đổi. Trước hết, các chiến thuyền ngoại quốc đến yêu cầu được trao đổi thương mại với người bản xứ. Một thời gian sau họ thương thuyết được đặt những thương quán thường trực tại các hải cảng họ thường lui tới và theo liền với các thương quán, những phong tục mới được đưa vào cùng với những người có nhiệm vụ thương mại.

Nếu số người càng ngày càng đông thì chẳng bao lâu nhu cầu về tinh thần lại đòi hỏi sự có mặt của những nhà tu sĩ.

Cho tới giai đoạn này các nhà cầm quyền bản xứ, dầu có ngạc nhiên và ít nhiều báo động đối với các kỹ thuật tiến bộ của người ngoại quốc, cũng chưa thấy cần phải có một thái độ

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. *VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY*

đôi phó. Nhưng từ giai đoạn này, mãnh lực của tín ngưỡng mà giáo lý Gia Tô đã hun đúc cho người Tây phương trong mấy thế kỷ, bắt đầu làm cho các nhà cầm quyền bản xứ lo ngại. Họ lo ngại trật tự cổ truyền của dân tộc sẽ bị sự xâm nhập của một vật ngoại lai, bởi vì các tu sĩ Gia Tô, tin tưởng nơi sứ mạng thiêng liêng của mình đối với nhân loại, nên lúc nào cũng tìm cách thi hành phận sự truyền giáo.

Bản năng tự vệ

Phản ứng tự nhiên của các nhà cầm quyền bản xứ, là bản năng tự vệ của một sinh vật đối với sự xâm nhập của một vật ngoại lai vào trong nội bộ cơ thể của mình. Mà một tôn giáo mới là một vật ngoại lai vô cùng nguy hiểm cho trạng thái điều hòa của một xã hội. Bởi vậy cho nên, phản ứng của các nhà cầm quyền là bảo vệ trạng thái điều hòa của xã hội bằng cách đóng cửa không để cho vật ngoại lai xâm nhập. Trong thực tế và trong lĩnh vực chính trị một thái độ như vậy có nghĩa là bài ngoại, và bế quan tỏa cảng không tiếp nhận những luồng gió ở ngoài đưa vào. Đó là thái độ tự nhiên và hợp với bản năng tự vệ của mọi sinh vật, và cũng là thái độ của hầu hết các dân tộc bị Tây phương tấn công khi nhận thức nguy cơ đe dọa xã hội mình. Lịch sử đã chứng minh rằng một thái độ như vậy sẽ đắc thắng nếu đồng thời, kỹ thuật vật chất có đủ tiên bộ và lực lượng võ trang có đủ hùng hậu để làm hậu thuẫn, bằng không, thái độ đó sẽ là một tử lộ.

Lý trí phản công

Thái độ thứ hai là thái độ của một vài nước như Nga, Nhật và sau này là Thổ Nhĩ Kỳ. Thay vì đóng cửa lại để sống trong nhà và phủ nhận thực tế đang xảy ra ngoài ngõ mình, vì sợ vật ngoại lai xâm nhập vào và gây xáo trộn trong nội bộ, các nước trên đây đã có can đảm để nhìn nhận sự thật và đủ lý trí để trấn áp bản năng, phân tích thực tế và tìm được đường sống. Một sự tình cờ lịch sử đã đặt vào nhiệm vụ lãnh đạo các quốc gia đó, những người sáng suốt khác thường khả dĩ dẫn dắt dân tộc họ lựa chọn tìm được sanh lộ trong một giai đoạn quyết định cực kỳ nguy hiểm.

Thái độ thứ nhất có tính cách phòng thủ và bản năng. Thái độ thứ hai có tính cách lý trí và phản công. Đứng trước nguy cơ, thái độ thứ nhất có nghĩa là thi hành một biện pháp dễ nhưng đưa đến thất bại, thái độ thứ hai là thi hành một biện pháp khó nhưng đưa đến sự thành công.

Trong thực tế, trong các quốc gia đã lựa chọn thái độ thứ nhất, các nhà lãnh đạo đã đóng cửa các hải cảng, đánh đuổi người ngoại quốc ra khỏi lãnh thổ, bài trừ tất cả các di tích của họ để lại. Nhưng những người này, chẳng bao lâu sẽ trở lại với những khí giới tân tiến hơn, và những lực lượng võ trang tổ chức hoàn bị hơn và sẽ chiến thắng dễ dàng những khí giới lạc hậu và những lực lượng vô tổ chức của người bản xứ. Và sau đó, tất cả điều gì mà họ không chiếm được bằng lối thương thuyết thì họ lại chiếm được bằng võ lực. Hơn nữa, sự giao hảo giữa hai quốc gia sẽ không còn và nhường chỗ lại cho sự kiện người chiến thắng thống trị kẻ chiến bại. Hậu quả dành cho các dân tộc lâm vào hoàn cảnh ấy như thế nào, chúng ta đã rõ. Nguyên nhân của sự thảm bại cho nhiều dân tộc chỉ ở chỗ bản năng tự vệ của họ quá mạnh lấn áp cả trí sáng suốt, nên các nhà lãnh đạo không nhận thức rằng kỹ thuật lạc hậu của

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

mình kém xa kỹ thuật của địch, và kỹ thuật đã kém thế thì không làm thế nào hậu thuẫn cho bất cứ chủ trương chính trị nào được.

Trái lại, trong các quốc gia đã lựa chọn thái độ thứ hai, thì các nhà lãnh đạo đã nhận thấy nguy cơ do vật ngoại lai mang đến cho trạng thái điều hòa của xã hội mình. Tuy nhiên, đồng thời họ cũng đủ sáng suốt và óc thiết thực để nhận xét rằng kỹ thuật lạc hậu của nước mình không làm sao bảo đảm thắng lợi trong một cuộc chiến tranh. Và vì vậy mà phương pháp hay nhất để bảo vệ xã hội bị đe dọa bởi các sự vật ngoại lai lại chính là việc mở cửa để đón các luồng gió ngoại lai vào. Bởi vì chỉ có cách đó mới giúp cho họ chế ngự được những kỹ thuật của địch thủ, để chống lại địch thủ.

Như chúng ta đã thấy, chẳng nào chúng ta cũng không tránh được sự xâm nhập vào nội bộ xã hội chúng ta của các vật ngoại lai. Nhưng trong thái độ thứ nhất sự xâm nhập sẽ xảy ra bằng võ lực, ngoài ý muốn của chúng ta và chúng ta sẽ không chủ động được. Trong thái độ thứ nhì, chúng ta tự ý để cho sự xâm nhập thực hiện và vì vậy nên chúng ta chủ động được sự xâm nhập đó. Và chính vì chúng ta chủ động được sự xâm nhập đó mà các giá trị ngoại lai thay vì phá vỡ được trạng thái điều hòa của xã hội chúng ta, chỉ có thể thay đổi được trạng thái đó. Trong khi đó một sự xâm nhập không thể kiểm soát được sẽ làm sụp đổ trạng thái điều hòa của xã hội. Và, trong một xã hội bình thường, việc thay đổi trạng thái điều hòa là một sự kiện thông thường, trái lại sự sụp đổ là một tai biến.

Tóm lại, đứng trước sự tấn công của Tây phương, con đường chết là con đường bế quan tỏa cảng ngăn cấm không cho văn minh Tây phương xâm nhập vào xã hội của nước bị tấn công; con đường sống lại là con đường mở cửa đón rước văn minh Tây phương để học chế ngự kỹ thuật của Tây phương mà chống lại Tây phương.

Nước Nga, sau nhiều thế kỷ chống lại sự tấn công của Tây phương, đã tìm thấy sự thật như trên, và nhiều lần trong lịch sử nước Nga đã chiến thắng các cường quốc Tây phương sau khi đã Tây phương hóa kỹ thuật của mình. Nhưng cũng nhiều lần bị Tây phương chiến thắng vì kỹ thuật của Tây phương tiến triển không ngừng trong khi người Nga không làm cho kỹ thuật đã lấy của Tây phương phát triển. Đây cũng là một điều vô cùng quan trọng trong việc Tây phương hóa mà chúng ta sẽ phân tích tỉ mỉ sau này.

Những nhà lãnh đạo Nhật, trong giai đoạn nước Nhật bị Tây phương tấn công, đã nhận thấy được ngay những biện pháp cần thiết phải thi hành trong giờ phút quyết liệt cho dân tộc. Thành công của họ như chúng ta mục kích ngày nay là một xác nhận rõ rệt nhất về sự lựa chọn đúng hay không giữa hai thái độ.

Ngày nay, thái độ mà nước Nga và nước Nhật đã lựa chọn trước một sự tấn công của một nước tiến bộ hơn về kỹ thuật, đã được công nhận khắp nơi, và đã được nghiên cứu và đúc thành một giải pháp khoa học, khả dĩ áp dụng cho các nước khác trong hoàn cảnh đó. Công cuộc mà ngày nay Trung Hoa đang dốc hết cố gắng của toàn dân để thực hiện chỉ là một sự chấp nhận thái độ của Nga và Nhật đã chọn. Và các nước chậm tiến khác hiện nay cũng đang cố gắng đi vào con đường đó.

Tuy nhiên, trước đây có nhiều người lãnh đạo chủ trương một thái độ vô cùng cực đoan. Sau khi chiến bại rồi, và nước nhà đã bị ngoại quốc thống trị, hay chủ quyền đã sút mẻ, và vận

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

mạng quốc gia không còn do mình chủ động được nữa, nhiều nhà lãnh đạo vẫn chủ trương bảo vệ cho đến kỳ cùng trạng thái điều hòa của xã hội cũ. Đó là một công cuộc nhất định phải thất bại.

Bởi vì các giá trị tiêu chuẩn của xã hội kết hợp thành một trạng thái điều hòa, cũng có một đời sống như sinh vật. Nghĩa là giá trị tiêu chuẩn cũng sinh nở, phát triển, trưởng thành, suy đồi và chết. Như vậy trong trường hợp chiến bại, các giá trị tiêu chuẩn cổ truyền sẽ chết lần, vì chủ quyền không phải người bản xứ trọn năm, vận mạng quốc gia không phải họ chủ động, thì các giá trị tiêu chuẩn cổ truyền một mặt không ai vun tưới, một mặt bị các giá trị ngoại lai, đang chiến thắng, tấn công ô ạt và đả phá uy tín.

Như vậy, các sự kiện lịch sử, trong vòng năm thế kỷ sau này, đã chứng minh rằng khi một nền văn minh bị một nền văn minh khác, chế ngự được những kỹ thuật tinh xảo hơn, tấn công, thì con đường sống của nền văn minh bị tấn công, là mở cửa đón lấy các kỹ thuật của địch thủ.

Trường hợp Ấn Độ

Tuy nhiên, năm trăm năm là nhiều đối với đời sống của một người. Nhưng với đời sống của các quốc gia, năm trăm năm không phải là nhiều. Và chúng ta có thể tự hỏi rằng: thái độ trên, đành rằng là thái độ lợi nhất mà các quốc gia bị tấn công phải lựa chọn, trong thời gian vài thế kỷ. Nhưng nếu thời gian dài hơn, liệu thái độ ấy có lợi cho quốc gia hơn thái độ cố gắng bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ không? Chắc chắn rằng những người hành động không bao giờ nghi ngờ nữa. Câu hỏi trên tiêu biểu cho quan điểm của một sử gia.

Và trường hợp Ấn Độ là một trường hợp có thể đưa ra để làm hậu thuẫn cho thái độ cố gắng bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ. Sau thời gian thống trị của đế quốc, các giá trị tiêu chuẩn cũ của Ấn Độ có vẻ, chẳng những còn đủ sinh lực để hấp dẫn quần chúng, lại còn có vẻ sáng chói ra khắp hoàn cầu, mang các thân-thể-tính của văn minh Ấn Độ để đối chọi lại với tính cách kỹ thuật vật chất của văn minh Âu Mỹ.

Các nghi vấn nói trên, có thể giải đáp bằng các nhận xét dưới đây:

– Nếu năm trăm năm là một thời gian chưa đủ dài để chứng minh rằng thái độ tiếp đón các kỹ thuật ngoại lai là thích hợp nhất, chúng ta có thể tìm trong lịch sử, những thời đại có những biến cố như thời đại của chúng ta, và lấy phản ứng của các quốc gia lúc bấy giờ, làm tài liệu nghiên cứu để soi tỏ thêm vấn đề.

Trong lịch sử, thời đại đế quốc La Mã hưng thịnh và chinh phục các quốc gia trong cái thế giới được biết lúc bấy giờ, là một thời đại có nhiều biến cố có thể so sánh được với những biến cố của thời đại hiện nay. Cũng có một nước mạnh, thuộc một nền văn minh tiến bộ, đi chinh phục những nước kém về kỹ thuật, thuộc một nền văn minh đã suy nhược. Cũng có những quốc gia, nhất định không theo mới, và, cuốn mình lại, sống cô lập và chết mòn để bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn truyền thống. Cũng có những quốc gia, mở cửa đón tiếp các kỹ thuật mới, và, thực hiện công cuộc phát triển dân tộc, để sống ăn nhịp với các cường quốc. Lịch sử là một bài học. Bài học của lịch sử Hy Lạp - La Mã mà chúng ta dẫn chứng đây lại xác nhận rằng thái độ của các nước tiếp nhận kỹ thuật của kẻ địch là đúng.

PHẦN II. Chính Đề Việt Nam – 05. *VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY*

– Trường hợp của Ấn Độ là một trường hợp khác thường khiến cho chúng ta nhận định sai lầm về thực tế. Ông Gandhi là người đã chủ trương mạnh mẽ nhất thái độ bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ và triết đề bài xích văn minh Tây phương. Ông cực đoan đến nỗi hô hào đồng bào của ông, không nên mặc áo bằng vải dệt ở các xưởng ở Anh quốc hay dệt ở Ấn Độ, trong các xưởng của người Anh nhập cảng từ Anh quốc, mà chỉ nên mặc bằng vải tự tay mình dệt lấy.

Sức mạnh tinh thần của ông Gandhi rất phi thường và ông đã tỏ ra nhìn thấy vấn đề một cách sâu sắc, do đó ông đã khắc phục được sự trọng vọng của nhân loại. Và ngày nay, sự thất bại của ông bộc lộ rõ rệt ở chỗ các đệ tử trung thành của ông đang xây dựng cho Ấn Độ một bộ máy quốc gia theo kiểu Tây phương và các đồng bào của ông đang nỗ lực Tây phương hóa.

Những cuộc tranh đấu anh dũng và uy tín cá nhân sáng lạng của ông Gandhi, hợp với sự ca tụng, chính của người Tây phương, đối với thần thể tính của triết lý Ấn Độ, cả, trước và sau, thời kỳ bị đế quốc thống trị, làm cho một số đông có cảm tưởng rằng thái độ bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ có thể thích hợp hơn thái độ đón tiếp các kỹ thuật mới của Tây phương. Và, văn minh Ấn Độ, xây dựng trên nền triết lý tôn trọng thần thể tính được xem như có thể đối phó một cách đắc thắng với nền văn minh thường được gọi là kỹ thuật và vật chất của Tây phương. Nhưng một cuộc phân tích tỉ mỉ và một sự đối chiếu với thực tế không xác nhận cảm tưởng trên.

Người Tây phương ca tụng thần thể tính của triết lý Ấn Độ cũng như ca tụng bất cứ sáng tạo nào của nhân loại có một giá trị thật là cao cả. Và thái độ khách quan, khoa học, và tìm hiểu đó là một trong các bí quyết thành công của văn minh Tây phương. Cho nên sự ca tụng của người Tây phương đối với triết lý Ấn Độ không có nghĩa là triết lý của Tây phương khiếm khuyết thần thể tính. Và sự kiện thần thể tính của triết lý Ấn Độ đạt đến chỗ cao siêu và hấp dẫn lý trí thuần túy, lại không có nghĩa là triết lý Ấn Độ có thể thiết thực giải quyết các thực tế đời sống cho nhân loại, mục đích cuối cùng của mọi hệ thống triết lý.

Lý do của tình trạng đó ở chỗ, khi phải lựa chọn một trong hai quan điểm căn bản cho các hệ thống triết lý: nhận sự sống hay là không nhận sự sống, thì triết lý Ấn Độ đã chọn quan điểm không nhận sự sống. Theo quan điểm ấy, cho sự sống ở cuộc đời này là không có thực và nhân loại cần tìm và đạt cho được sự sống ở một nơi ngoài thế gian này, chúng ta không phán đoán xem quan điểm đó đúng hay là không đúng. Chúng ta chỉ nhận xét rằng, ngay lúc khởi điểm, quan điểm ấy đã tự mâu thuẫn với mình bởi vì, sự sống của nhân loại, nghĩa là sự phát triển hay suy vong của các nền văn minh trên thế giới, cũng như sự sống hằng ngày của mỗi người, là một sự kiện mà không ai có thể phủ nhận được. Tìm cách giải quyết các vấn đề đặt ra bởi sự sống, bằng cách phủ nhận sự sống thì đương nhiên các vấn đề đặt ra bởi sự sống không còn nữa. Nhưng như thế thì hóa ra không giải quyết gì cả.

Chính vì chỗ đó mà triết lý Ấn Độ, mặc dù đã đạt đến một mức độ cao siêu mà ít khi tư tưởng của nhân loại đã với tới được lại không thể giải đáp được các vấn đề của nhân loại cũng như đã không giải đáp được các vấn đề của dân tộc Ấn.

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Sau một thời gian biến hóa lâu dài, triết lý của Tây phương, ngày nay xây dựng trên căn bản thiết thực nhận sự sống, đã tấy xuất được mâu thuẫn nguyên khởi giữa hệ thống tư tưởng và thực tế của đời sống, mà các triết lý không nhận sự sống đều mắc phải, nên đã thối vào nền văn minh của Tây phương một sinh lực chưa từng thấy trong lịch sử của nhân loại. Và chính sinh lực đó đã bảo đảm cho người Tây phương ưu thế mà họ vẫn giữ đến ngày nay. Các sự kiện trên càng rõ rệt hơn nữa, nếu chúng ta nhớ lại rằng, đã có một thời, triết lý Tây phương cũng đã lấy sự không nhận sự sống làm căn bản, và lúc bấy giờ nền văn minh của họ cũng đã trầm lạng thay vì chói sáng và chinh phục như ngày hôm nay. Chỉ từ khi nền triết lý của Tây phương thoát khỏi sự tự kiềm hãm mình trong một quan điểm trừu tượng của lý trí, để mạnh bạo đung đầu vào thực tế của đời sống, thì văn minh của Tây phương mới phát triển như chúng ta thấy ngày nay.

Nếu phải dùng một hình ảnh để cho lý luận được nhận thức dễ dàng hơn, thì chúng ta có thể nói rằng triết lý của Tây phương đã có lúc, một mình, lên đến và sống say mê trong không khí cao siêu của đỉnh núi thần thể tính. Nhưng triết lý đó lại đủ khách quan và can đảm để nhận thấy rằng nhiều vấn đề của nhân loại không giải quyết được từ trên đỉnh núi đó, và, nếu các vấn đề của nhân loại không giải quyết được thì triết lý đã thất bại trong nhiệm vụ của mình.

Vì vậy cho nên triết lý Tây phương đã mạnh bạo từ bỏ không khí cao siêu và thoát tục của đỉnh núi, vùi mình xuống đồng lầy của thực tế, sống với nhân loại để tìm cách giải quyết các vấn đề của sự sống. Triết lý của Tây phương đang thành công, và hiện nay nó đang cùng nhân loại leo lên triền của một ngọn núi khác. Nhưng mặc dù đang thành công, triết lý Tây phương lại đầy cái khiêm tốn của những người đã đụng chạm với thực tế và đang cố gắng đi lên.

Trái lại, triết lý của Ấn Độ vẫn còn say mê với không khí cao siêu và thoát tục của đỉnh núi thần thể tính, không rút nổi mình ra khỏi không khí trong và thoát khỏi đó, nên chưa ý thức rằng, từ trên đỉnh núi đó, các vấn đề mà đời sống đặt ra cho dân tộc Ấn không giải quyết được. Ngày nay, khi đụng đầu với triết lý Tây phương và mặc dù, hay, chính là vì, bị dồn vào thế yếu, triết lý Ấn Độ vẫn còn trừu trừ, chưa cương quyết lợi xuống bùn lầy của thực tế vì sợ mất tính chất cao siêu và thoát tục của mình. Vì tính chất cao siêu và thoát tục là lý do hãnh diện của những người chưa có vật lộn với thực tế.

Nói một cách khác nữa, và dùng một hình ảnh thô sơ, thì triết lý Tây phương có thái độ của các vị Bồ Tát và triết lý Ấn Độ có thái độ của người nhập Niết Bàn.

Vì những lý do trên đây mà, mặc dầu cái bề ngoài có vẻ trái ngược với luật chung, ngày nay xã hội Ấn Độ, cũng như xã hội của tất cả quốc gia đã bị đế quốc thống trị, cùng lâm vào một hoàn cảnh trầm trọng, như chúng ta thấy trên đây. Và các biện pháp mà các nhà lãnh đạo Ấn Độ cần áp dụng cũng là những biện pháp cần thiết cho các quốc gia đồng hoàn cảnh. Và công cuộc phát triển dân tộc Ấn Độ mà chính phủ Nehru và chính phủ kế tiếp đang theo đuổi hàm một sự thú nhận rõ rệt rằng Ấn Độ mặc dù có Gandhi và mặc dù có một triết lý cổ truyền cao siêu, vẫn phải đương đầu với các vấn đề thiết thực và vật chất của các quốc gia chậm tiến.

Tây phương hóa là một sự kiện không từ chối được

Trên đây chúng ta đã phải suy luận dông dài về trường hợp của Ấn Độ. Bởi vì, công cuộc phát triển dân tộc bằng cách Tây phương hóa là một công cuộc liên hệ đến sự sống còn của dân tộc. Và, mặc dầu đầy khích động, nhưng sẽ đòi hỏi nhiều cố gắng liên tục trong nhiều năm, ở mọi người, và đòi hỏi nhiều hy sinh nặng nề ở mọi tầng lớp nhân dân. Cố gắng liên tục sẽ làm cho dân chúng mệt mỏi, hy sinh nặng nề sẽ gây phẫn nộ cho dân chúng. Trong hoàn cảnh đó nếu người lãnh đạo không quả quyết tin vào công cuộc phát triển, nếu toàn dân không tin rằng công cuộc phát triển là con đường sống duy nhất của dân tộc, thì công cuộc phát triển không sao thực hiện được.

Vì vậy cho nên, một điều vô cùng thiết yếu là sự tin tưởng rằng, công cuộc phát triển dân tộc chúng ta bằng cách Tây phương hóa là một sự kiện lịch sử dĩ nhiên, không thể tránh được và ngoài công cuộc phát triển ấy ra, dân tộc chúng ta không còn một lối thoát thứ hai. Một sự tin tưởng tuyệt đối như vậy chỉ có thể có được khi nào các trường hợp đều được xem xét một cách không thiếu sót để cho các nghi vấn đều được giải đáp.

Và khi các điều kiện trên đã thỏa mãn đầy đủ rồi, thì tất cả mọi người Việt Nam chúng ta đều phải quả quyết tin rằng, chúng ta cần phải dốc hết nỗ lực để thực hiện công cuộc phát triển dân tộc, bằng cách Tây phương hóa xã hội chúng ta, một cách toàn diện mà không do dự.

Thật sự ra, công cuộc Tây phương hóa xã hội chúng ta đã tự nó bắt đầu thực hiện từ ngày người Pháp bước chân lên đất này. Chúng ta chỉ cần nhìn quanh chúng ta: nhà ở cũng kiến trúc theo kỹ thuật và kiểu mẫu Tây phương, giải trí cũng tổ chức theo Tây phương, thức ăn cũng nấu theo Tây phương. Phần lớn các cử động trong đời sống của chúng ta đều rập khuôn theo Tây phương. Nhìn lại chính con người của chúng ta, dù chúng ta ở thành thị hay thôn quê, chúng ta thấy rằng tất cả con người chúng ta đều Tây phương hóa từ đầu tới chân: tóc hót theo Tây phương, áo và quần cắt theo lối Tây phương, may bằng những cái máy do Tây phương sáng chế, giầy nịt và giầy là sản phẩm của Tây phương. Đi ra, chúng ta dùng xe đạp của Tây phương hay xe hơi của Tây phương. Vì vậy cho nên, những người còn ngồi nhà mà nói là phải giữ lại phong tục Việt Nam để bảo vệ quốc hồn quốc túy là những người tự dối mình.

Nếu đã như thế thì, trên kia chúng ta còn đặt thành vấn đề sự cần thiết của công cuộc Tây phương hóa, có phải là một hành động thừa không? Thừa, mà cũng không thừa.

Thừa đối với những người vẫn chưa chịu nhận rằng, dầu họ không có muốn Tây phương hóa và họ có chủ trương bảo cựu đến mức độ nào đi nữa, thì chính con người của họ cũng đã Tây phương hóa đi rồi.

Không thừa, đối với chúng ta, là những người mong muốn thực hiện được công cuộc phát triển dân tộc bằng cách Tây phương hóa toàn diện. Công cuộc Tây phương hóa xã hội chúng ta mà ngày nay chúng ta mục kích những hiện tượng, như trên đã kể, là một công cuộc Tây phương hóa bắt buộc, dẫn dắt đến tình trạng tan rã của xã hội chúng ta. Xã hội chúng ta bị Tây phương hóa, chớ không phải tự ý Tây phương hóa. Vì vậy mà cuộc Tây phương hóa đã được thực hiện một cách không đường hướng, không mục đích và chỉ lên đến một mức độ

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

thấp kém. Cũng vì vậy mà chúng ta không chủ động được công cuộc Tây phương hóa đã qua của chúng ta, và không có thể dẫn dắt nó vào một chiều hướng và đến một mức độ có ích cho công cuộc phát triển dân tộc.

Trái lại công cuộc Tây phương hóa mà chúng ta phải thực hiện cho dân tộc là một công cuộc Tây phương hóa tự ý muốn, do đó, có đường hướng và có mục đích. Chúng ta sẽ chủ động cuộc Tây phương hóa này và sẽ đưa nó đến một mức độ đủ cao để xã hội chúng ta tìm được những tiêu chuẩn giá trị mới khả dĩ tạo cho nó một trạng thái điều hòa mới.

Như thế nào là Tây phương hóa có đường hướng?

Dưới đây chúng ta sẽ chứng minh rằng, trên phương diện dân tộc, một công cuộc Tây phương hóa chỉ hữu hiệu khi nào được thực hiện toàn diện và đạt đến mức độ đủ cao.

Như thế nào là Tây phương hóa toàn diện?

Trong số các nhà lãnh đạo các quốc gia bị Tây phương tấn công, những người có thái độ đóng cửa bảo vệ giá trị cũ, như ở Trung Hoa và ở Việt Nam, cũng như những người có thái độ mở cửa để đón văn minh Tây phương như ở Nga và ở Nhật, tất cả đều sớm nhận định rằng sở dĩ Tây phương thắng thế là, trước tiên, nhờ ở kỹ thuật võ trang và kỹ thuật tổ chức.

Và giữa hai thái độ cực đoan như chúng ta đã phân tích trên đây phần đông lại lựa chọn một thái độ dung hòa và khôn ngoan nhất. Thái độ nửa chừng dựa trên lý luận sau đây:

Tây phương hóa có giới hạn

Chúng ta chiến bại vì vũ khí của chúng ta kém về độ tinh xảo và quân đội chúng ta thua về tổ chức. Vậy, để chống lại địch thủ một cách hiệu quả và lâm thời thắng địch thủ, chúng ta chỉ cần học, một là kỹ thuật sử dụng vũ khí tối tân, lúc đầu mua của chính những quốc gia Tây phương, sau học kỹ thuật để chế tạo lấy; hai là kỹ thuật tổ chức quân đội theo Tây phương. Với hai khí giới đó chúng ta có thể hy vọng thắng địch để bảo vệ được các tiêu chuẩn giá trị truyền thống của xã hội của chúng ta. Như thế có nghĩa là chúng ta chỉ cần canh tân quân trang và cải tổ quân đội là đủ, mọi cơ cấu khác trong xã hội vẫn giữ nguyên vẹn. Nhưng, lịch sử của các quốc gia đã áp dụng thái độ đó trong hành động lại chứng minh rằng, sự thật thì các sự kiện đã xảy ra không như những người lãnh đạo của các quốc gia ấy dự định.

Sau khi đã quyết định canh tân quân trang và cải tổ quân đội các nhà lãnh đạo nói trên một mặt gọi người xuất dương du học các nước Tây phương để hấp thụ kỹ thuật mới, một mặt mướn người chuyên viên Tây phương đến tại xứ để vừa huấn luyện người, vừa để xây cất các xưởng chế tạo vũ khí.

Vì sao người Tây phương lại đến nhận lãnh trách nhiệm chế tạo các vũ khí đó và vì sao các cường quốc Tây phương nhận đào tạo các chuyên viên ngoại quốc như vậy, mặc dù họ vẫn biết, cũng như mọi người đều biết, rằng làm như vậy là họ sẽ trao cho địch thủ những khí giới đang bảo đảm ưu thế của họ? Có nhiều lý do khiến cho người Tây phương, cũng như những cá nhân của các quốc gia khác, đã hành động như vậy. Trước hết là vì bị quyền lợi vật chất quyến rũ. Thứ hai giữa các cường quốc trong nội bộ xã hội Tây phương cũng có

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

nhiều mâu thuẫn chính trị khiến cho mỗi cường quốc, trong một cuộc tranh giành ảnh hưởng ác liệt, sẵn sàng tìm đồng minh cho mình ở những quốc gia ngoài xã hội Tây phương. Và sau hết, trong thời kỳ đi chinh phục thế giới, kỹ thuật Tây phương đã đạt đến một trình độ rất cao và tạo cho người Tây phương một sự hãnh diện và tự tin mãnh liệt cho đến nỗi, nếu không phải vì lợi và vì ngoại giao, thì họ cũng không ngần ngại mà hành động như họ đã làm. Dầu sao, như chúng ta sẽ thấy sau này, những lý do trên là những yếu tố thuận lợi, mà toàn bộ tạo thành cơ hội giúp cho các dân tộc ngoài xã hội Tây phương thực hiện công cuộc phát triển của mình.

Tây phương hóa có giới hạn nhất định thất bại

Trở lại vấn đề canh tân quân trang và cải tổ quân đội.

Sau giai đoạn thi hành các biện pháp nói trên một thời gian, các nhà lãnh đạo thu lượm được một kết quả mong muốn: quân đội, võ trang bằng vũ khí của Tây phương và tổ chức theo lối của họ, đã trở thành một lực lượng làm cho ngoại quốc phải kính nể. Nhưng, cũng chẳng bao lâu sau đó, sang giai đoạn thứ hai, chính các nhà lãnh đạo đó lại nhận thấy thêm rằng, nếu muốn duy trì cái lực lượng quý báu vừa mới tạo được thì việc huấn luyện chuyên viên, chỉ giới hạn trong lãnh vực quân sự, lại không *đủ*. Đi sâu vào một chút, lại tìm ra là tinh xảo của vũ khí Tây phương bắt nguồn từ các phát minh của khoa học Tây phương, và, ngoại trừ mọi vấn đề tổ chức vật chất, sức mạnh tinh thần của quân đội Tây phương lại do tư tưởng cá nhân của mỗi người chiến binh và tư tưởng cá nhân lại do hoàn cảnh xã hội tạo ra.

Như vậy, muốn nuôi dưỡng một lực lượng quân sự, đã được canh tân, lại phải đặt vấn đề hấp thụ học vấn Tây phương và như thế, là phải canh tân nền giáo dục. Và muốn gieo cho người chiến binh một sức mạnh tinh thần như của người chiến binh Tây phương lại phải tạo cho họ hoàn cảnh xã hội tương tự, nghĩa là phải cải tạo xã hội. Mà cải tạo xã hội thì phải thay thế các giá trị tiêu chuẩn cũ. Như vậy thì, rốt cuộc lại, phải bỏ giá trị tiêu chuẩn cũ, điều mà các nhà lãnh đạo đang nói đây không dự định làm và cũng không muốn làm, vì sợ dĩ các nhà lãnh đạo này chủ trương canh tân quân đội là với mục đích bảo vệ các giá trị truyền thống của xã hội của họ.

Ngoài ra, sự canh tân quân đội lại đương nhiên mang đến một hậu quả khác mà các nhà lãnh đạo cũng không ngờ. Những người muốn học về tổ chức quân đội theo Tây phương, trước tiên phải học ngôn ngữ Tây phương để đọc sách về kỹ thuật tổ chức quân đội của Tây phương. Nhưng khi đọc được ngôn ngữ của Tây phương rồi, thì không làm thế nào cấm họ đọc các sách khác của Tây phương trong những lĩnh vực khác: chính trị, văn hóa, hay xã hội. Do đó, và vì đã sẵn trong đầu sự cảm phục chính đáng đối với Tây phương trong lĩnh vực quân sự, những người này tự nhiên nảy ra sự cảm phục Tây phương trong lĩnh vực xã hội và chính trị. Và họ sớm nhận thức rằng sức mạnh của quân đội Tây phương cũng như tính cách tinh xảo của vũ khí Tây phương là những kết quả đương nhiên, trong lĩnh vực quân sự của tổ chức xã hội và chính trị của Tây phương. Như vậy, họ tin rằng không thể nào có được một quân đội hùng mạnh theo mới mà không có một tổ chức xã hội và chính trị theo mới. Và chính những người này sẽ biến thành những cái mầm của cuộc cách mạng chính trị và xã hội sau này. Các sự kiện trên đây lại giải nghĩa cho chúng ta thấy vì sao mà ở

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

một nước Thổ Nhĩ Kỳ, và nhiều nước khác ở Cận Đông, chính quân đội lại hướng dẫn các cuộc cách mạng chính trị và xã hội trong đầu thế kỷ hai mươi.

Trở lại vấn đề canh tân quân đội trên đây, sau khi đã canh tân quân đội, trong giai đoạn thứ nhất đến giai đoạn thứ hai, các nhà lãnh đạo sẽ đứng vào một tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Nếu họ tiếp tục cuộc canh tân quân đội, thì bắt buộc họ phải đi đến chỗ cải tạo xã hội. Đó là điều họ không thể làm được, bởi vì mục đích của họ khi canh tân quân đội là để bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ.

Nhưng nếu họ ngưng lại cuộc canh tân quân đội, thì việc bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ, cũng sẽ không thực hiện được đối với sự tấn công của Tây phương. Hơn nữa, một cuộc duy tân, một khi đã manh nha, tự nó sẽ tạo ra trong cơ thể của xã hội, bắt đầu duy tân, những lực lượng càng ngày càng bành trướng để phát triển cuộc duy tân. Nếu những lực lượng ấy được hướng dẫn sẽ đưa đến một cuộc duy tân có mục đích, nếu không, cuộc duy tân sẽ hỗn loạn. Nếu các nhà lãnh đạo lại dùng bạo quyền, như đã xảy ra ở Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ hồi đầu thế kỷ hai mươi, để hoặc là bãi bỏ công cuộc theo mới hoặc là ngưng cuộc canh tân trong những giới hạn họ muốn, mặc dù họ vẫn biết rằng hành động như vậy vẫn không cho phép họ bảo vệ các giá trị tiêu chuẩn cũ, thì lực lượng cách mạng, lãnh đạo do những người ở trong quân đội đã hấp thụ được, chẳng những kỹ thuật quân sự mới, mà lại thêm những tư tưởng chính trị và xã hội mới, sẽ nổi lên lật đổ các nhà lãnh đạo này.

Công cuộc Tây phương hóa, nhất định phải toàn diện

Tóm lại, nếu đóng cửa không đón tiếp văn minh Tây phương, thì, vì kém kỹ thuật, sẽ bị Tây phương chiến bại, và biến thành thuộc địa hay bán thuộc địa. Sau khi chiến bại rồi sẽ bị Tây phương hóa nhưng công cuộc Tây phương hóa sẽ không được hướng dẫn và sẽ đưa đến những kết quả thảm hại mà chúng ta biết.

Nếu muốn Tây phương hóa có giới hạn để bảo vệ các giá trị cũ thì, một là công cuộc bảo vệ sẽ không thực hiện được và quốc gia sẽ lâm vào tình trạng của các nước đóng cửa không tiếp đón kỹ thuật Tây phương. Hai là sẽ tạo hoàn cảnh cho một cuộc cách mạng nội bộ để đưa đến một cuộc Tây phương hóa toàn diện. Như vậy thì, đảng nào rồi những sự kiện lịch sử cũng sẽ đưa đến một cuộc Tây phương hóa toàn diện. Nếu đã thế thì thượng sách không phải là nên tự ý Tây phương hóa toàn diện hay sao? Có như vậy một mặt chúng ta sẽ có thể rút ngắn thời gian, một mặt chúng ta mới có thể chủ động được công cuộc Tây phương hóa để cho những chấn động, mà chắc chắn một công cuộc như vậy sẽ gây ra cho xã hội ta, không có thể phá hoại xã hội ta, như trong trường hợp một cuộc Tây phương hóa không hướng dẫn.

Tóm lại, một công cuộc Tây phương hóa chỉ hữu hiệu khi nào chúng ta được tự ý thực hiện nó và thực hiện toàn diện, nghĩa là trên lĩnh vực quân sự, chính trị, xã hội và theo đó là kinh tế và văn hóa.

Nếu ta tự ý Tây phương hóa, thì chúng ta chủ động được công cuộc Tây phương hóa của chúng ta và chúng ta sẽ bảo vệ được độc lập và xã hội, nhưng nhiều giá trị tiêu chuẩn phải được đổi mới.

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Nếu chúng ta không tự ý Tây phương hóa thì rồi cũng bị Tây phương hóa. Nhưng cuộc Tây phương hóa sẽ không được hướng dẫn, không đường lối và không mục đích. Sở dĩ sự kiện phải diễn tiến theo cơ thức như đã phân tích trên đây là bởi vì một nền văn minh là một toàn bộ quân bình, gồm có các tiêu chuẩn giá trị, có hiệu lực trong các lĩnh vực.

Nếu chúng ta thấu nhận những thực hiện của Tây phương trong một lĩnh vực nào đó thì sớm hay muộn những thực hiện đó cũng lần lần kéo đến và bắt buộc chúng ta thấu nhận những thực hiện của Tây phương trong một lĩnh vực khác có liên hệ. Một mặt khác, nếu chúng ta đã thấu nhận những kỹ thuật trong một lĩnh vực thì lần lần chúng ta sẽ thấu nhận những nguyên tắc khoa học, đã làm căn bản cho sự phát minh ra các kỹ thuật đó. Và nếu chúng ta thấu nhận các nguyên tắc khoa học, thì chúng ta lại đi đến chỗ thấu nhận lối suy luận đã tạo ra các nguyên tắc khoa học. Nghĩa là cơ thức của sự Tây phương hóa đi từ phạm vi hẹp đến phạm vi rộng, và từ cương vị thấp đến cương vị cao, từ lĩnh vực cụ thể đến lĩnh vực trừu tượng. Và sự diễn biến, tự nhiên sẽ đến không có gì ngăn trở được. Bởi vì những yếu tố, mà toàn bộ hợp thành một trạng thái thăng bằng, trong một nền văn minh, không thể tách rời ra được. Sự sống, của từng yếu tố, tùy thuộc sự có mặt của các yếu tố khác. Nếu chúng ta nhận yếu tố kỹ thuật quân sự, sớm muộn gì chúng ta cũng phải nhận yếu tố khoa học, bởi vì, mỗi yếu tố, không thể sống một mình được, tất sẽ tự gây lại trạng thái thăng bằng từ đó nó đã phát sinh, và trong đó nó có thể sống mạnh.

Trong sự liên lạc giữa hai văn minh, một việc này lại mang đến một việc khác và tuần tự sẽ mang đến hết toàn bộ văn minh mới.

Ví dụ, nếu chúng ta mặc vải dệt ở các nhà máy Tây phương, thì chẳng bao lâu chúng ta lại nhập cảng những nhà máy tương tự để dệt vải theo Tây phương tại xứ ta. Lần lần, chúng ta lại sản xuất các nhà máy tại chỗ, và, chừng đó người nông dân của chúng ta lại bỏ đồng ruộng để lên làm việc tại các nhà máy, và lúc bấy giờ, ngoài giờ làm việc họ lại thích các lối giải trí của Tây phương, và lần lần đầu óc của họ cũng nghĩ theo Tây phương, và cuối cùng, họ sẽ Tây phương hóa, từ vật chất lẫn tinh thần. Đó là một định luật xã hội nghiêm khắc.

Như thế nào là Tây phương hóa đến mức độ đủ cao

Bài học của nước Nga

Trong lĩnh vực này lịch sử của nước Nga là một bài học vô cùng quý báu.

Nước Nga ở phía Đông Âu châu. Đối với Âu châu, nước Nga là một tiền đồn, mỗi khi các bộ lạc du mục Mông Cổ và Hung-nô ở các đồng hoang phía Đông Bắc Á châu xua quân đánh phá các dân tộc đã định cư trên hai đại lục Âu, Á. Vị trí địa dư ấy, đã dẫn dắt đến các sự kiện lịch sử quan trọng sau đây. Quan trọng đến nỗi, sau mấy ngàn năm biến cố khuynh đảo, nó vẫn còn chi phối nặng nề các nguyên tắc ngoại giao giữa Nga và các cường quốc Âu Mỹ. Và đây là một ví dụ, hết sức sáng tỏ, để chứng minh rằng, trong đời sống của một dân tộc, một thời gian mấy thế kỷ hay mấy ngàn năm vẫn chưa thấm vào đâu. Và cuộc cách mạng Sô Viết của nước Nga lại làm cho các sự kiện này trở thành một bằng cứ hết sức đích xác để chứng minh rằng dĩ vãng của một dân tộc do hoàn cảnh địa dư và sự kiện lịch sử tạo thành, không có thể san bằng được dù là bằng một cuộc cách mạng vô cùng táo bạo, để xây dựng tương lai.

PHẦN II. Chính Đê Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Ngay từ thế kỷ thứ X, nước Nga đã có những sự liên lạc thường xuyên và chặt chẽ với đế quốc La Mã; khi đế quốc này chỉ còn ảnh hưởng ở phía Đông Địa Trung Hải và đặt kinh đô tại Constantinople, phía Bắc nước Hy Lạp, Gia Tô giáo cũng đã chia làm hai phái, Tây phái, Giáo chủ ở tại La Mã và Đông phái, Giáo chủ ở tại Constantinople, chống báng nhau vì nhiều điểm về hành giáo và nghi lễ. Nước Nga, vì liên lạc với Constantinople nên ngả theo Gia Tô Đông phái, trong khi các nước Âu châu đều được Tây phái La Mã truyền giáo. Sự kiện này vừa là cái mầm chia rẽ giữa nước Nga và các nước Âu châu, lại vừa là một di sản tinh thần chung cho hai bên. Vì vậy mà trong lịch sử bang giao giữa Nga và Âu châu, tùy theo hoàn cảnh, có lúc thì sự kiện trên có hiệu lực như là một cái mầm chia rẽ, có lúc lại có hiệu lực là một di sản tinh thần chung.

Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XIII, tính cách di sản tinh thần chung lẫn thế, nên sự mâu thuẫn rất thịnh hành giữa hai bên. Và nhiều cuộc hôn nhân chính trị, một yếu tố vô cùng quan trọng trong thời quân chủ, đã xảy ra giữa giòng vua Nga và các giòng vua Anh Pháp. Nếu tình trạng này kéo dài thì, mặc dầu những điểm dị đồng giữa hai phái Gia Tô, di sản tinh thần chung có lẽ đã thắt chặt các nước Âu châu và nước Nga lại làm thành một khối, và lịch sử đã có nhiều sự thay đổi lớn lao.

Nhưng sau đó, vào thế kỷ thứ XIII, các bộ lạc Mông Cổ, dưới sự lãnh đạo của Thành Cát Tư Hãn và các vị vua kế tiếp đã đưa quân đánh chiếm gần hết Châu Á và một phần lớn Âu châu, lập thành một đế quốc gồm các nước Đông Âu ngày nay (Ba Lan, Hung Gia Lợi, Rumania, Bulgarie) cả nước Nga, hết trung bộ Châu Á, nội Mông Cổ, Tây Tạng và hết nước Tàu. Sự đế quốc Mông Cổ thống trị nước Nga trên 150 năm, ngày nay, vẫn còn lưu lại nhiều di tích vật chất và nhất là một sự kiện mà hậu quả lịch sử vô cùng lớn lao trong nhiều thế kỷ: sự thống trị của Mông Cổ đã cắt đứt hết các dây liên lạc nối liền nước Nga với khối văn minh Tây phương đang phát triển.

Trong khi nước Nga bị xâm chiếm, và, nhờ vị trí tiền đồn của nước Nga mà các nước khác ở Tây Âu đã thoát sự đô hộ của Mông Cổ, thì các nước này, chẳng những không có lúc nào tìm cách cứu viện một đồng minh cùng chung một di sản tinh thần, ngược lại, đã lợi dụng hoàn cảnh suy vong của Nga, để cắt xén và chiếm nhiều phần đất thuộc lãnh thổ Nga.

Trong những lúc đó, chính là tính cách mầm chia rẽ đã thắng tính cách di sản tinh thần chung của sự kiện mà chúng ta vừa nêu lên ở trên. Và sau khi đế quốc Mông Cổ tan rã, nước Nga thâu hồi độc lập, thì từ đó sự bang giao giữa Nga và các nước Tây Âu lúc nào cũng mang dấu vết cay đắng của thời kỳ vừa qua. Do đó, lịch sử của cuộc bang giao giữa hai bên chỉ là một cuộc chiến đấu không ngừng, kéo dài cho tới ngày nay, lúc thì Tây Âu chiến thắng, lúc thì Nga chiến thắng, và chúng ta đang sống vào một thời kỳ mà Nga đang chiến thắng Tây Âu.

Luôn luôn, Tây Âu nắm phần thắng những lúc nào mà kỹ thuật của họ tiến bộ hơn của Nga. Nhưng yếu tố dân đông và đất rộng của Nga, lần nào, cũng cứu Nga thoát khỏi một sự chiến bại hoàn toàn. Sau đó, các nhà lãnh đạo Nga lại tìm cách thâu thập các kỹ thuật mới và khi hai bên đã ngang nhau trên phương diện kỹ thuật thì yếu tố dân đông lại đưa phần thắng cho Nga. Thời gian qua, kỹ thuật của Tây phương lại tiến bộ hơn trước và đồng thời mang thắng

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

lợi về cho Tây phương. Tấn tuồng lại cứ như thế mà tiếp tục diễn tiến, qua nhiều thế kỷ, lúc bên này được bên kia thua, và lúc bên kia được bên này thua.

Thâu thập kỹ thuật

Lúc đầu sự thâu nhập kỹ thuật Tây phương không khó khăn, bởi vì sự cách biệt giữa hai nền kỹ thuật chỉ nằm trong một vài phát minh được xem như là những bí mật quan trọng.

Kỹ thuật chưa tiến bộ nhiều, phương pháp nghiên cứu chưa có qui củ, các phát minh còn thô sơ và rời rạc, thỉnh thoảng tình cờ mới tìm được một phát minh mới. Và quốc gia nào nắm được một phát minh mới, tuy thô sơ nhưng hiếm có đó, thì đã nắm được trong tay một sức mạnh vô địch làm nghiêng hẳn cán cân lực lượng về phía mình.

Ở Trung Hoa, thời đại nhà Đường, vào thế kỷ thứ VII, sự tình cờ đã đưa đến cho Đường Thế Dân một phát minh, ngày nay chúng ta xem là thông thường, nhưng đã làm đảo lộn thế giới lúc bấy giờ: yên ngựa có chân đứng. Trước đó, người cưỡi ngựa chỉ ngồi trên ngựa, hai chân buông lỏng, vì vậy mà thăng bằng không vững và kỵ binh chỉ là một phương tiện vận tải. Với phát minh mới, người ngồi trên lưng ngựa vững như dính liền với thú và kỵ binh trở thành một khí giới tấn công vô cùng sắc bén và dũng mãnh. Chỉ nhờ có hai sợi dây da thô sơ buộc vào yên ngựa, nhưng lại có một tầm quan trọng rộng lớn không ngờ, mà nhà Đường, đã chuyển thế lâm nguy của Trung Hoa lúc bấy giờ, đang sống dưới sự đe dọa xâm lăng thường xuyên của các dân tộc du mục Trung Á, thành một thế chiến thắng. Và nhà Đường chẳng những đã đánh bại các dân tộc xâm lăng, giữ vững độc lập cho Trung Hoa, lại còn chinh phục ngược lại các lãnh thổ của họ, lập thành một đế quốc hùng cường mà nền văn minh đã chói sáng khắp thế giới lúc bấy giờ trong hơn ba thế kỷ. Tất cả những thành tựu đó chỉ nhờ cặp chân đứng yên ngựa.

Hơn thế nữa, cặp chân đứng yên ngựa, sau khi đã chấn hưng Trung Hoa đến cực độ, lại còn mãnh lực xoay chiều luồng sóng chinh phục, lúc đó đang chảy từ Tây sang Đông, thành một luồng sóng chinh phục từ Đông sang Tây. Các dân tộc du mục Trung Á sau khi bị Trung Hoa chinh phục và đồng thời thâu thập được phát minh mới, nguyên nhân chính yếu của sức mạnh của nhà Đường, đã quay lại chinh phục các dân tộc láng giềng ở phía Tây và lần hồi lần sóng chinh phục lại chuyển từ Đông sang Tây. Phát minh chân đứng yên ngựa cũng theo lần sóng đó mà đi từ Đông sang Tây.

Cuối thế kỷ VII cặp chân đứng yên ngựa đã nhập vào xã hội Hồi Giáo, và nhờ nó mà xã hội này đã chinh phục gần hết các phần đất bao quanh Địa Trung Hải.

Ví dụ trên kia cho ta thấy vai trò vô cùng quan trọng của kỹ thuật trong đời sống của các dân tộc. Lịch sử, trong thời kỳ khoa học chưa phát triển, còn nhiều trường hợp như vậy: làm chủ được một phát minh kỹ thuật mới có nghĩa là làm bá chủ một vùng.

Nhưng, cũng chính ký ức những trường hợp như vậy đã làm cho những nhà lãnh đạo các quốc gia ngoài xã hội Tây phương, sau này, như chúng ta đã thấy, lầm tưởng rằng, chỉ thâu nhập được kỹ thuật mới của Tây phương là đủ bảo vệ nền văn minh cũ. Họ lầm bởi vì, sau khi khoa học đã phát triển sự nghiên cứu đã có qui củ, sự tìm tòi đã có phương pháp, các phát minh không còn rời rạc nữa và trở thành một toàn bộ di sản của một nền văn minh. Cho

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

nên, như chúng ta đã biết, nếu chúng ta thâm nhập một kỹ thuật Tây phương thì chúng ta phải thâm nhập hết toàn bộ kỹ thuật Tây phương.

Trở lại vấn đề cuộc chiến đấu giữa Nga Sô và các cường quốc Tây phương, chúng ta hiểu rõ vì sao, lúc đầu, sự thâm nhập kỹ thuật Tây phương không khó đối với Nga. Nhưng về sau, từ lúc khoa học đã bắt đầu phôi thai, các phát minh kỹ thuật càng phức tạp hơn, và sự thâm nhập càng khó khăn hơn.

Chúng ta thấy rõ sự tiến triển của cường độ khó khăn, khi chúng ta ý thức rằng lúc đầu sự thâm nhập một kỹ thuật mới có thể thực hiện được một cách âm thầm, sau các chiến trận hoặc trong những cuộc trao đổi thương mại. Nhưng về sau, có lúc chính đại đế Pierre nước Nga đã phải đích thân hai lần cải trang sang viếng các nước Âu Châu cùng với một đội binh chuyên viên để thâm nhập kỹ thuật Tây phương. Và sau đó đã bắt đầu kêu gọi đến kỹ thuật gia Tây phương bằng những lợi lộc hấp dẫn.

Thâm nhập khả năng sáng tạo kỹ thuật

Sự thâm nhập càng ngày càng khó khăn này là một lý do khả dĩ giải thích một phần vì sao mà trong cuộc chiến đấu với Tây phương, Nga nhiều lần bị kỹ thuật của Tây phương lấn áp. Lý do thứ hai dưới đây, có tính cách trừu tượng hơn nhưng lại minh biện hơn.

Trong việc thâm nhập kỹ thuật, Nga vẫn theo các nếp cũ, cho nên vẫn tìm cách thâm nhập các kỹ thuật, chứ không bao giờ tìm cách thâm nhập khả năng của lý trí, khả dĩ sáng tạo được kỹ thuật. Do đó, một khi Nga vừa chế ngự được một 'mớ kỹ thuật', thì óc sáng tạo của Tây phương đã đẻ ra những kỹ thuật mới, tinh xảo hơn. Thành ra lối thâm nhập cũ nếu có thể áp dụng ở thời kỳ tiền khoa học, thì vào thời kỳ khoa học chỉ vừa đủ để cho những người áp dụng chạy theo đuôi Tây phương.

Nguyên do ở chỗ trước kia các phát minh kỹ thuật là một sự tình cờ, thỉnh thoảng mới nảy ra lúc thì nơi này lúc thì nơi khác. Nhưng từ ngày xã hội Tây phương đã chế ngự được khoa học, phương pháp hóa sự nghiên cứu, qui củ hóa sự tìm tòi thì các cuộc phát minh trở thành liên tục và biến thành một thể độc quyền của những ai chế ngự được khả năng sáng tạo khoa học. Vì vậy mà vấn đề thâm nhập kỹ thuật trước kia đơn sơ và ở vào trình độ bất chước, sau khi khoa học đã phát triển, phải được đưa lên đến trình độ chế ngự khả năng sáng tạo khoa học. Phải như vậy, nếu những người thâm nhập kỹ thuật Tây phương không muốn lúc nào cũng chỉ chạy theo đuôi Tây phương và lúc nào cũng bị kỹ thuật Tây phương chi phối.

Nghĩa là công cuộc Tây phương hóa chỉ hữu hiệu khi nào được thực hiện đúng đến mức độ đủ cao.

Đó là bài học mà nước Nga, sau nhiều thế kỷ kinh nghiệm và bằng một giá rất đắt, đã thâm nhập được. Và đó là một bài học vô giá cho các nước ở trong tình trạng phải Tây phương hóa để bảo vệ sự sinh tồn của mình.

Chính nước Nga đã áp dụng ngay bài học đó trong cuộc cách mạng 1917. Và chung qui cuộc cách mạng 1917 của Nga chỉ là một cuộc Tây phương hóa toàn diện và tự đặt cho mục đích phải đến mức độ đủ cao. Nghĩa là phải làm thế nào khắc phục được khả năng sáng tạo

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. *VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY*

khoa học của Tây phương. Cuộc Tây phương hóa ở Nga đã toàn diện, nhưng cuộc Tây phương hóa của Nga đã đến mức độ đủ cao chưa?

Thời gian còn sớm quá nên chúng ta chưa có thể trả lời quả quyết được. Tuy nhiên, sự sáng tạo các hỏa tiễn liên lục địa, các vệ tinh và hành tinh nhân tạo, các phi thuyền không gian, và nhiều phát minh khác trong mọi lĩnh vực, tuy không kích thích dư luận đại chúng, nhưng vẫn không kém phần quan trọng trên địa hạt khoa học, vượt hẳn khả năng sáng tạo của nhiều quốc gia Tây phương, là những triệu chứng cho chúng ta đoán rằng Nga đã thành công. Tuy nhiên, hãy còn sớm quá để chúng ta trả lời một cách dứt khoát. Ví dụ dưới đây lại thêm phân rõ rệt về tính cách tối quan trọng của mức độ đủ cao của công cuộc Tây phương hóa.

Trường hợp của Nhật

Cái hay phi thường của các nhà lãnh đạo Nhật thời Minh Trị lúc bị Tây phương tấn công, là, mặc dầu không có cái kinh nghiệm chiến đấu trong mấy thế kỷ chống Tây phương như Nga, lại nhìn thấy ngay sự cần thiết của một công cuộc Tây phương hóa toàn diện. Nhưng có lẽ quan niệm về cao độ của công cuộc Tây phương hóa không được rõ rệt lắm cho nên đến ngày nay, mặc dầu công cuộc Tây phương hóa của Nhật đã thành tựu một cách không ai phủ nhận được, sự chế ngự khả năng sáng tạo khoa học của Nhật chưa có dịp xuất lộ một cách rõ rệt như của Nga. Trái lại một vài trường hợp lịch sử chứng minh rằng người Nhật trong công cuộc Tây phương hóa toàn diện, chưa đạt đến mức độ đủ cao.

Lúc khởi đầu cuộc chiến tranh Thái Bình Dương giữa Nhật và Mỹ, các phi công Mỹ đều khiếp sợ thành tích, tốc độ tầm hoạt động, sự dễ lái, hỏa lực và sức chịu đựng của loại phi cơ khu trục của Nhật gọi là Zéro. Và các cường quốc đều xem khu trục cơ của Nhật là một thực hiện bậc nhất trong thế giới của khoa học hàng không Nhật. Nhưng sau hai năm chiến tranh, trong khi Mỹ lần lần cho xuất hiện những loại phi cơ vượt hẳn loại phi cơ Zéro về mọi mặt; thì Tổng Tham Mưu Nhật và kỹ thuật hàng không Nhật vẫn không sáng chế được một loại phi cơ nào hơn loại Zéro được. Do đó sự làm chủ không phận lọt vào tay Mỹ và chiến thắng cuối cùng về Mỹ như chúng ta đều biết.

Có thể nhiều yếu tố đã ảnh hưởng cùng một lúc để đưa đến sự kiện trên. Nhưng một điều chắc chắn là trong số các yếu tố đó, có sự kiện là cuộc Tây phương hóa của Nhật, mặc dù đã kết quả rất tốt đẹp, vẫn chưa đi đến chỗ chế ngự một cách đầy đủ khả năng sáng tạo khoa học của Tây phương.

Trong thời bình, mặc dầu những bí mật của quốc phòng vẫn được mỗi quốc gia giữ gìn kỹ lưỡng, các tin tức khoa học vẫn được trao đổi giữa các cường quốc tiến bộ, hoặc bằng lối trao đổi văn hóa thông thường, hoặc bằng lối tình báo bí mật.

Do đó, sự chênh lệch giữa các nước về kỹ thuật không đến nỗi to tát lắm. Nhưng trong thời kỳ chiến tranh, cố nhiên là những luồng giao hoán đều gián đoạn và mỗi nước phải sống với cái vốn sáng tạo riêng của mình. Lúc bấy giờ, nếu trình độ chế ngự khả năng sáng tạo khoa học của nước mình chưa đủ cao thì kỹ thuật sẽ sút kém và ảnh hưởng nặng nề đến chiến cuộc.

PHẦN II. Chính Đền Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Trường hợp trên đây của Nhật xác nhận hai điểm:

Tây phương hóa đến mức độ đủ cao

1. Tính cách thiết yếu của sự đạt đến mức độ đủ cao của công cuộc Tây phương hóa.
2. Đạt đến mức độ đủ cao của công cuộc Tây phương hóa là một điều vô cùng khó khăn.

Nếu chúng ta không đạt đến mức độ đủ cao trong công cuộc Tây phương hóa thì chính là mục đích của công cuộc Tây phương hóa chúng ta không đạt được. Nghĩa là những kết quả của một công cuộc Tây phương hóa không đủ cao, sẽ không giúp cho chúng ta bảo vệ được sự tồn tại của dân tộc, lý do chính, vì đó mà chúng ta nhận định rằng công cuộc Tây phương hóa là cần thiết.

Nước Nhật, trong công cuộc Tây phương hóa của họ, đã đạt được nhiều kết quả mà, chẳng những chúng ta và các nước cùng đang theo đuổi công cuộc Tây phương hóa, đều thán phục, mà đến các nước Âu Mỹ cũng ngợi khen. Thế mà, trong giờ phút quyết liệt của cuộc chiến đấu quyết định sự thắng bại của dân tộc, thì kỹ thuật của họ vẫn chưa sánh kịp với kỹ thuật Tây phương. Xem thế đủ biết rằng, việc chế ngự được khả năng sáng tạo khoa học không phải là việc dễ làm. Nếu chúng ta đã quan niệm rằng sự đạt đến mức độ đó là thiết yếu, thì việc đạt được vẫn còn là một việc vô cùng khó khăn. Nay nếu chúng ta không đặt vấn đề ấy là cần thiết, thì chắc chắn là không bao giờ chúng ta chế ngự được khả năng sáng tạo khoa học của Tây phương. Và như thế là chúng ta đã đầu hàng trước khi ra trận.

Tất cả các điều trình bày trên kia lại càng xác nhận quan điểm cho rằng, công cuộc Tây phương hóa toàn diện và việc đạt được đến mức độ đủ cao là thiết yếu cho sự sống còn của dân tộc chúng ta. Và bởi vì một công cuộc Tây phương hóa như vậy sẽ vô cùng khó khăn và đòi hỏi ở toàn dân những nỗ lực lớn lao và những hy sinh nặng nề, thì nếu không phải chính chúng ta chủ trương và lãnh đạo lấy, thì chắc chắn rằng không làm thế nào chúng ta có thể thực hiện được công cuộc Tây phương hóa của chúng ta.

Độc lập để Tây phương hóa

Sau khi đã phân tích như vậy rồi, chúng ta mới nhận thấy rằng chủ trương của một số nhà cách mạng trước đây, đề nghị nên hợp tác với Pháp để duy tân Việt Nam, là một chủ trương sai lầm. Sai lầm vì những người ấy đã không phân tích vấn đề thấu đến tâm, nên tưởng rằng người ngoại quốc có thể trách nhiệm một công cuộc Tây phương hóa như chúng ta đã trình bày ở trên. Thật sự, trong thời kỳ người Pháp ở đây, chúng ta đã có một cuộc Tây phương hóa.

Nhưng chính vì sự thống trị của người Pháp ở đây, nên cuộc Tây phương hóa đó không làm sao được hướng dẫn theo một chiều hướng có ích lợi cho dân tộc. Vì vậy cho nên, đã mang đến những hậu quả vô cùng tai hại, mà chúng ta đều biết.

Như thế, điều kiện tiên quyết và thiết yếu để thực hiện cho được công cuộc Tây phương hóa là phải độc lập. Có độc lập chúng ta mới chủ động được vận mạng của chúng ta và lãnh đạo được công cuộc Tây phương hóa, mà sự thành hay bại quyết định tương lai của chúng ta trong mấy thế kỷ sắp tới đây.

PHẦN II. Chính Đè Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Theo đó thì, những nhà cách mạng đã chủ trương hợp tác với Pháp đã đi sai đường lối. Chủ trương của họ chỉ có thể dung nạp với tác dụng của một chiến thuật giai đoạn, để có thể đỡ khổ cho dân chúng. Chính chủ trương của những nhà cách mạng chống Pháp một cách cực đoan là một chủ trương đúng. Vì vậy mà như chúng ta đã biết, và như chúng ta sẽ phân tích chi tiết hơn sau này, các nhà lãnh đạo Việt Nam theo đường lối Cộng Sản, đã hành động đúng hoàn cảnh khi họ tự quy tụ dưới lá cờ Cộng Sản của Nga Sô trong giai đoạn chiến đấu giành độc lập. Nhưng độc lập không phải là mục đích, mà chỉ là một điều kiện khẩn thiết, như chúng ta vừa thấy trên đây, để có thể thực hiện được cuộc phát triển dân tộc. Và khi bước sang giai đoạn phát triển dân tộc, sự tự quy tụ dưới lá cờ Cộng Sản còn có phải là một hành động lợi ích cho dân tộc không? Sau này chúng ta sẽ trả lời với chi tiết câu hỏi đã nêu lên. Bây giờ ta chỉ nên biết rằng mặc dầu sự tự quy tụ dưới lá cờ Cộng Sản, đã đưa đến nhiều kết quả trong công cuộc chiến đấu giành độc lập. Nhưng không phải vì những thành tích ấy mà có thể quả quyết rằng nếu muốn đạt đến những thành tích khả quan tương tự trong giai đoạn phát triển, chúng ta lại cần phải quy tụ dưới lá cờ Cộng Sản, như nhiều người đã nghĩ. Hoàn cảnh đã thay đổi và vấn đề đã thay đổi, thì giải pháp không thể giữ như cũ được.

Tây phương hóa và bản chất dân tộc

Trong phạm vi vấn đề Tây phương hóa, chúng ta còn phải trả lời một câu hỏi. Nếu chúng ta phải thực hiện cuộc Tây phương hóa toàn diện và đến mức độ đủ cao như trên đã nói thì liệu bản chất của dân tộc chúng ta có còn tồn tại nữa không? Và, nếu sau cuộc Tây phương hóa mà bản chất của dân tộc đã mất, thì công cuộc Tây phương hóa có còn đáng để chúng ta theo đuổi để thực hiện với tất cả sự gian lao và hy sinh của toàn dân chăng? Và đã như vậy thì chúng ta thực hiện công cuộc Tây phương hóa để bảo vệ cái gì?

Trước hết chúng ta nên nhận xét các sự kiện đã xảy ra nếu chúng ta không tự ý Tây phương hóa. Như chúng ta đã thấy, nếu chúng ta không tự ý Tây phương hóa, thì trước hết chúng ta sẽ mất độc lập và sẽ mất chủ quyền định đoạt vận mạng của dân tộc chúng ta. Sau đó, cuộc Tây phương hóa vẫn sẽ thực hiện đối với chúng ta, nhưng không phải chúng ta lãnh đạo và hướng dẫn. Một cuộc Tây phương hóa không được hướng dẫn sẽ mang đến sự tan rã của xã hội chúng ta.

Và nếu thật sự một cuộc Tây phương hóa tự ý và có lãnh đạo không làm tan rã xã hội, lại có thể làm mất bản chất của dân tộc, thì chúng ta có thể quả quyết rằng một cuộc Tây phương hóa bắt buộc và không hướng dẫn, làm tan rã xã hội, chắc chắn sẽ làm mất mười lăm lần hơn bản chất dân tộc của chúng ta.

Như vậy giữa hai thái độ tự ý Tây phương hóa và bắt buộc Tây phương hóa, không còn có thể do dự nữa. Làm thế nào cũng phải lựa thái độ tự ý Tây phương hóa, dù mà, vì cuộc Tây phương hóa đó mà bản tính dân tộc của chúng ta có bị mất. Nếu thật sự có mất, ít ra chúng ta cũng còn bảo vệ được độc lập chủ quyền, sự toàn vẹn của xã hội.

Nhưng chúng ta sẽ chứng minh dưới đây rằng, không có gì có thể cho chúng ta quả quyết là công cuộc Tây phương hóa, như chúng ta chủ trương, sẽ đưa đến sự mất bản chất dân tộc.

Trước hết chúng ta cần phải tìm hiểu một công cuộc Tây phương hóa toàn diện đòi hỏi ở chúng ta những thực hiện gì.

PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Sau đó chúng ta cũng tìm hiểu một công cuộc Tây phương hóa đến mức độ đủ cao đòi hỏi ở chúng ta những thực hiện gì? Dựa trên đó chúng ta sẽ có đủ tài liệu để trả lời câu hỏi nêu lên ở đầu chương này.

Cơ thức Tây phương hóa

Như đã trình bày trên đây, nguồn gốc của một cuộc Tây phương hóa tự ý, trước tiên hết, là ý chí muốn thâm nhập kỹ thuật tổ chức quân đội và kỹ thuật võ trang quân đội.

Thường thường thì các nhà lãnh đạo, chủ trương thâm nhập các kỹ thuật trên, đều có ý định muốn ngừng lại sau giai đoạn đó. Nhưng mà như thế là phủ nhận một định luật xã hội không làm sao tránh được: khi hai nền văn minh gặp nhau, liền tháo chốt cho một giòng sự kiện tuần tự diễn tiến theo một cơ thức nhất định. Và với tất cả nỗ lực và phương tiện có thể vận dụng được, thì ngay ở giai đoạn này, các nhà lãnh đạo, đã bắt đầu công cuộc Tây phương hóa cũng không còn có thể ngưng lại được nữa. Công cuộc Tây phương hóa sẽ thực hiện với họ hay là không có họ. Theo một cơ thức nhất định, sau lĩnh vực quân sự, làn sóng Tây phương hóa sẽ làm tràn đến lĩnh vực cơ cấu chính trị. Ít khi mà lĩnh vực cơ cấu chính trị được Tây phương hóa một cách êm ái, trừ ra khi nào chính các nhà lãnh đạo đã ý thức được rõ rệt vấn đề tự ý Tây phương hóa, như ở nước Nhật. Thường thường thì sau nhiều cuộc chánh biến, các cơ cấu chính trị của chế độ cũ, nhường chỗ cho những cơ cấu chính trị theo kiểu Tây phương. Ví dụ chế độ quân chủ chuyên chế nhường chỗ cho một chế độ quân chủ lập hiến theo kiểu Anh hay một chế độ cộng hòa theo kiểu Pháp, hoặc một chế độ Tổng Thống chế theo kiểu Mỹ. Bởi vì lĩnh vực chính trị là một lĩnh vực chi phối tất cả đời sống của quốc gia, cho nên sức kháng cự lại làn sóng Tây phương hóa thường mạnh nhất ở lĩnh vực này, và công cuộc Tây phương hóa cũng đẫm máu nhiều nhất ở lĩnh vực này.

Nhưng sau đó, từ lĩnh vực cơ cấu chính trị sang lĩnh vực giáo dục và sản xuất kinh tế thì công việc lại trở nên dễ dàng và như không còn gặp trở lực nữa. Bắt đầu từ đây, công cuộc Tây phương hóa lại bước sang một giai đoạn mới. Từ trước chủ trương Tây phương hóa chưa hoàn toàn thắng lợi và phải nhiều cam go lắm mới lọt vào được nội thành của xã hội bị tấn công. Nhưng từ đây, chủ trương đã chiếm được

thành rồi, sang giai đoạn mới, công cuộc Tây phương hóa toàn diện sẽ không gặp những trở lực do chủ trương thủ cựu dựng lên nữa. Sự thành tựu hay không của công cuộc Tây phương hóa, từ lúc này, chỉ còn tùy thuộc ở quan niệm một công cuộc Tây phương hóa đến mức hay không đến mức của người lãnh đạo.

Tây phương hóa sâu và rộng, hay là thất bại và sụp đổ

Giai đoạn mới này lại còn có một đặc điểm khác. Từ trước tới đây chủ trương Tây phương hóa chỉ liên quan đến số người lãnh đạo. Chủ trương Tây phương hóa cũng họ mà chống đối cũng họ. Nhưng từ đây trở đi, vấn đề Tây phương hóa, đã ngã ngũ ở trong giới của họ, mới bắt đầu lan ra đại chúng. Và cuối cùng thì sự thành công hay thất bại của công cuộc Tây phương hóa lại ở chỗ sự Tây phương hóa có thật sự lan rộng và ăn sâu đến đại chúng không? Nếu sự Tây phương hóa có lan rộng và ăn sâu đến đại chúng thì, trong một thời gian ngắn hay dài, tùy theo những biện pháp áp dụng để thực hiện công cuộc Tây phương hóa, sự

PHẦN II. Chính Đệ Việt Nam – 05. **VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VỪA TRÌNH BÀY**

Tây phương hóa sẽ ăn rễ ở quần chúng. Và ngược lại những sinh lực phát sinh từ quần chúng đã bắt đầu Tây phương hóa, lại hợp thành một hậu thuẫn vừa củng cố vừa thúc đẩy công cuộc Tây phương hóa.

Trái lại, nếu sự Tây phương hóa không lan rộng và ăn sâu đến đại chúng thì, trong một thời gian ngắn, quần chúng sẽ ly khai với nhóm người lãnh đạo, và xã hội sẽ rơi vào một tình trạng phân ly rất là nguy hiểm cho sự tiến bộ của cộng đồng. Một bên, một thiểu số Tây phương hoá, một bên, khối đại đa số vẫn sống theo các giá trị tiêu chuẩn cũ. Sự cách biệt sẽ rất trầm trọng giữa hai bên, và công việc lãnh đạo không thể thi hành được, giữa hai khối người không sử dụng cùng một lối suy tưởng và không cùng tôn trọng những giá trị tiêu chuẩn chung. Trong trường hợp đó, sự nắm chính quyền của nhóm người, đã ly khai với đại chúng, là một hiện trạng bất thường chỉ duy trì được bằng những biện pháp cảnh sát cứng rắn. Tình thế đã chín mùi cho một cuộc cách mạng. Cách mạng sẽ bùng nổ, khi nào khối quần chúng được một lãnh tụ qui tụ bằng uy tín cá nhân, hay được một đảng phái qui tụ bằng một đường lối, hay nữa, khi nào có một cuộc ngoại xâm. Xem thế chúng ta nhận thấy rõ tất cả các nguy hại nếu công cuộc Tây phương hóa thất bại trong giai đoạn này và đồng thời cũng ý thức tính cách thiết yếu của một sự thành công.

Tây phương hóa nửa chừng

Bây giờ chúng ta trở lại các giai đoạn tiền triển của công cuộc Tây phương hóa. Những công cuộc Tây phương hóa, phần nửa thất bại, của các quốc gia ở Cận Đông giúp cho chúng ta một bản kê khai, khá đầy đủ, về sự tiến triển của công cuộc Tây phương hóa trong từng giai đoạn. Nhờ đó chúng ta được biết chắc chắn các sự kiện dưới đây.

Từ lúc chủ trương Tây phương hóa đã lọt vào thành nội cơ cấu chính trị của một quốc gia rồi, thì từ đó sự lan tràn sang lĩnh vực giáo dục và kinh tế không gặp khó khăn nữa.

Từ hai lĩnh vực này, công cuộc Tây phương hóa mới bắt đầu ăn sâu và lan rộng vào đại chúng. Ở nhiều quốc gia Cận Đông ý chí Tây phương hóa đến mức này là mãn hạn, vì sự kém khả năng huy động quần chúng của chính quyền Trung ương.

Trong trường hợp đó, công cuộc Tây phương hóa sẽ bắt đầu thất bại và sẽ mang đến những hậu quả không tốt, như chúng ta đã thấy trên kia. Cũng nhờ ở những sự thất bại, nhận thấy ở trên, mà chúng ta được biết rằng trong các lĩnh vực của đời sống quốc gia, thì lĩnh vực đời sống thông thường, mà ngày nay chúng ta quen gọi là lĩnh vực xã hội và lĩnh vực văn hóa, là hai lĩnh vực có sức kháng cự nhiều nhất đối với sự Tây phương hóa, sau lĩnh vực tín ngưỡng mà chúng ta sẽ bàn đến, một cách riêng biệt, sau này.

Sở dĩ như vậy, là vì hai lý do. Trước hết sự Tây phương hóa càng đi sâu vào những lĩnh vực liên quan đến số đông người, sức kháng cự càng mạnh, bắt nguồn ở sức thụ động của quần chúng. Lý do thứ hai là, sức kháng cự càng mạnh khi đụng đến các lĩnh vực liên quan đến những di sản tinh thần của dân tộc. Nếu hai lý do trên lại có cơ hội gặp nhau ở một lĩnh vực thì sức kháng cự lại còn mãnh liệt hơn nữa: Ví dụ như lĩnh vực tín ngưỡng và tôn giáo.

Cho đến ngày nay, chưa có một cuộc Tây phương hóa nào, kể cả hai cuộc Tây phương hóa thành công nhất của Nga Sô và của Nhật, đã vượt qua được lĩnh vực tôn giáo. Sự kiện này

PHẦN II. Chính Đền Việt Nam – 05. VỊ TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG KHUNG CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRÌNH BÀY

giải thích vì sao mà thế giới hiện nay, mặc dầu ở dưới sự chi phối hoàn toàn của kỹ thuật Tây phương, vẫn chia ra làm nhiều khu vực văn hóa và tôn giáo rõ rệt.